

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với xã Đông Phú, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá**

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg, ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí Quốc gia về xã Nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: Căn cứ Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 – 2025; Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa Về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ văn bản đề nghị của UBND xã Đông Phú tại Tờ trình số 256/TTr-UBND ngày 26/4/2023 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Đông Phú, UBND huyện Đông Sơn báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với xã Đông Phú cụ thể như sau:

#### **I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra từ ngày 08/5/2023 đến ngày 08/6/2023.

##### **1. Về hồ sơ**

Nội dung, thành phần hồ sơ đã được xã Đông Phú thực hiện đảm bảo đầy đủ đúng theo quy định tại Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn

2022-2025 và Quyết định số 18/QĐ-TTg, ngày 02/8/2022 về Ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## **2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

Đảng ủy ban hành Nghị quyết số 26-NQ/ĐU ngày 16/12/2022 về phương hướng, nhiệm vụ năm 2023; Chương trình hành động số 11-CT/ĐU ngày 10/1/2023 về thực hiện Nghị quyết BCH Đảng bộ huyện Đông Sơn năm 2023; UBND xã ban hành: Kế hoạch hành động số 12/KH-UBND ngày 11/01/2023 về việc thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy, HĐND xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2023, Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 30/01/2023 về xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu năm 2023.

Đảng ủy đã ban hành Quyết định số 45-QĐ/ĐU ngày 31/01/2023 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu (BCĐ) năm 2023; Thông báo số 16-TB/BCĐ ngày 31/01/2023 của BCĐ về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên BCĐ.

Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Phát triển thôn, tổ phụ trách đã bám sát thôn, cơ quan, đơn vị để hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ những khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện chương trình; theo đó gắn trách nhiệm của từng đồng chí với việc đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ cuối năm.

MTTQ, các tổ chức chính trị-xã hội trong xã đã tập trung tuyên truyền, biểu dương những cách làm hay, những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong phong trào xây dựng NTM nâng cao để đoàn viên, hội viên và nhân dân trong xã hăng hái tham gia. Từ những cách làm hay, những mô hình điển hình được tuyên truyền kịp thời, sẽ có tác động lan tỏa rộng khắp địa bàn toàn xã. Cụ thể:

MTTQ xã, Ban công tác mặt trận các thôn làm tốt công tác tuyên truyền vận động thực hiện phong trào thi đua đồng thời tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn.

Hội nông dân, Hội phụ nữ tổ chức nhiều buổi tập huấn, mở nhiều lớp dạy nghề, tổ chức các hội thi Nông dân, Phụ nữ, chung tay XD NTM. Vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân tích cực tham gia phong trào vệ sinh môi trường, trồng, chăm sóc các tuyến đường hoa, vệ sinh an toàn thực phẩm, phân loại rác thải tại nguồn, rác thải đồng ruộng.

Hội CCB, đoàn thanh niên phát huy truyền thống “Anh bộ đội Cụ Hồ”, “Thanh niên làm theo lời Bác”; vận động hội viên, đoàn viên gương mẫu đi đầu trong các phong trào, làm kinh tế giỏi, xung kích trong phong trào bảo vệ môi trường.

Hội người cao tuổi với phong trào “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo”, mẫu mực làm gương động viên con cháu tích cực lao động sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng, phát huy nội lực chung sức xây dựng NTM, thực hiện tốt việc tổ chức tang lễ theo quy ước nếp sống mới và các giá trị

văn hóa truyền thống, tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, tham gia quy hoạch quản lý nghĩa trang, nghĩa địa và xây dựng làng xã văn hóa.

Trong suốt quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM nâng cao, xã Đông Phú luôn nhận được sự quan tâm lãnh của tỉnh của huyện ủy, UBND huyện và sự hướng dẫn cụ thể của các cấp, các ngành; đồng thời được thụ hưởng đầy đủ các cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước về: Chính sách an sinh xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất và ngành nghề nông nghiệp, nông thôn. Bên cạnh đó là sự đồng thuận, trách nhiệm với nhiệm vụ và thống nhất cao của Đảng bộ, chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội và toàn thể nhân dân trong xã, là những thuận lợi để cấp ủy, chính quyền và nhân dân xã Đông Phú xây dựng thành công các tiêu chí NTM nâng cao. Kết quả cụ thể về Phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân.

*a, Phát triển sản xuất nông nghiệp:*

Nhận thức đúng đắn quan điểm của Đảng, lấy phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trọng tâm, từ đặc điểm một xã kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, vì vậy nông nghiệp luôn được xác định là mặt trận hàng đầu, làm tốt công tác ứng dụng các tiến bộ KHKT, thâm canh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, tạo sự chuyển biến tích cực trong sản xuất; tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức cho nhân dân cải tạo đồng ruộng, đầu tư làm giao thông, thủy lợi nội đồng hàng chục tỷ đồng. Làm tốt các mô hình, đưa các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao phát triển đem lại hiệu quả kinh tế cao như: Mô hình trồng cây Thanh Long ruột đỏ, mô hình nuôi gà thả vườn, mô hình nuôi ốc, lươn, mô nuôi cá, trồng hoa và cải tạo vườn tạp...; 13 trang trại tổng hợp với diện tích trên 25,87 ha; mô hình nhà lưới rau sạch, mô hình sản phẩm nông nghiệp sạch, mô hình cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; mô hình tăng vụ trên đất 2 lúa chân vằn, các mô hình cây trồng có giá trị kinh tế cao, sản xuất đa cây đa con đa thời vụ... bên cạnh đó kinh tế trang trại, gia trại cũng đã đưa con giống mới vào sản xuất như: Cá rô đầu vuông, cá chép, gà ri... cũng mang lại thu nhập đáng kể cho nhân dân toàn xã... Luôn quan tâm đến việc đẩy mạnh sản xuất vụ đông; đưa các loại cây trồng mới năng suất cao như cà chua ghép, cây khoai tây, ớt xuất khẩu,... sản xuất theo mô hình liên kết,...

Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế trên địa bàn xã, quy hoạch đất đai, dồn đổi ruộng đất, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo từng lĩnh vực rõ rệt, thực hiện sản xuất đúng theo quy hoạch và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nên việc sử dụng tài nguyên đất đai được hợp lý, bền vững và mang lại hiệu quả kinh tế cao; sản lượng sản xuất hàng hóa trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản luôn được duy trì và tăng qua các năm, chất lượng ngày càng được cải thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn cho nhu cầu thị trường, góp phần đáng kể trong việc tăng thu nhập cho nhân dân trong xã.

Trong phát triển chăn nuôi: khuyến khích nhân dân phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại; làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn

gia súc, gia cầm, đưa các loại giống vật nuôi mới cho hiệu quả kinh tế cao như lợn hướng nạc, gà, vịt siêu trứng, ... vào sản xuất. Đặc biệt là có sự liên kết trong nông nghiệp, giữa 4 nhà (nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông), từ việc tích tụ đất đai, xây dựng cánh đồng mẫu lớn, áp dụng cơ giới hóa đồng bộ, từng bước đổi mới tổ chức lại sản xuất nông nghiệp đã sớm khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, phân tán ruộng đất; đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất, nhằm giảm chi phí đầu tư tăng hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập và giải quyết việc làm cho người nông dân.

*b, Hoạt động của hợp tác xã:*

Hoạt động của HTXNN đã làm tốt vai trò dịch vụ các khâu: cung ứng vật tư, chuyển giao khoa học kỹ thuật, dịch vụ làm đất, tưới, tiêu nước và tổ chức thực hiện mô hình liên kết sản xuất và bao tiêu với sản phẩm với công ty Cổ phần thương mại Sao Khuê cung ứng phân bón cho diện tích cây lúa trên địa bàn xã và thu mua toàn bộ sản phẩm Bắc thơm với quy mô 200ha/năm mang lại kinh tế cao và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có chất lượng cao sản xuất ra trên địa bàn xã.

Ngoài ra, hợp tác xã còn kết hợp, hợp đồng với một số cá nhân khác đầu tư máy nông cụ như máy gặt, máy cày công suất lớn, máy cấy... để thực hiện cơ giới hoá đồng bộ trong nông nghiệp, dịch vụ đầu vào cho xã viên. Tu sửa nâng cấp kênh mương, nâng cấp trạm bơm đảm bảo cho phục vụ sản xuất.

*c, Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn:*

Trong những năm qua cấp ủy Đảng và chính quyền xã đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân phát triển sản xuất, đa dạng hóa các loại ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển đa dạng như: Dịch vụ nông nghiệp, dịch vụ cơ khí, sửa chữa các phương tiện lao động sản xuất và đời sống; tiếp nhận dịch vụ hỗ trợ vay vốn của các ngân hàng, của quỹ tín dụng, dịch vụ vận tải, kinh doanh tổng hợp... tạo điều kiện để thu hút và phát triển các doanh nghiệp, đến năm 2023 Đông Phú có 33 công ty doanh nghiệp đóng trên địa bàn, 130 hộ SX tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ kinh doanh, 01 HTX dịch vụ nông nghiệp, thu hút hàng trăm lao động địa phương, có việc làm ổn định, thu nhập từ 4,0-6,0 triệu đồng/người/tháng... Chợ Đông Phú đã được đầu tư nâng cấp, mở rộng đáp ứng nhu cầu giao lưu mua bán hàng hóa cho nhân dân trong và ngoài xã. Bên cạnh Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động ngành nghề bằng khuyến khích, động viên các thành phần kinh tế, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh cũng như xuất khẩu lao động có thời hạn, đến nay đã có 177 người xuất khẩu lao động qua các nước như Nhật Bản, Đài Loan...

*d, Đào tạo nghề cho lao động nông thôn:*

Hàng năm Trung tâm học tập cộng đồng xã phối hợp với Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện... tổ chức được 8 lớp cho từ 250 đến 300 lao động, đào tạo ngắn hạn về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

*e, Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân:*

Các chương trình, chính sách giảm nghèo đã huy động sức mạnh, sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Cùng với sự phát triển kinh tế, đời sống nhân dân trong xã ngày càng được nâng lên. Mức thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt là 58,1 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã giảm rõ rệt và không còn hộ nghèo, hiện nay chỉ có 06 hộ nghèo (trong đó có 04 hộ nghèo thuộc hộ bảo trợ xã hội) đạt 0,15%.

*f. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới nâng cao*

Tổng nguồn vốn huy động: 485.278 triệu đồng. trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 2,620 triệu đồng chiếm 0,5%
- Ngân sách Tỉnh: 1.606 triệu đồng, chiếm 0,3%
- Ngân sách Huyện: 141.227 triệu đồng, chiếm 29,1%
- Ngân sách xã: 86.481 triệu đồng, chiếm 17,8%
- Nguồn nhân dân đóng góp: 253.344 triệu đồng chiếm 52,3%

*Trong đó:*

+ Nhân dân đóng góp bằng tiền, hiện vật, hiến đất, ngày công để xây dựng các công trình phúc lợi: 10.081 triệu đồng, chiếm 1,85%.

+ Nhân dân chính trang, xây dựng nhà ở, các công trình phụ trợ: 243.263 triệu đồng, chiếm 50,85%.

3. Xã Đông Phú đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới 2014 theo Quyết định số 4723/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc công nhận xã Đông Phú, huyện Đông Sơn đạt chuẩn NTM năm 2014. Công tác duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí luôn được xã Đông Phú quan tâm thực hiện, 19/19 tiêu chí đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới theo Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025.

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

Tổng số tiêu chí xã tổ chức đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định là 19 tiêu chí/19 tiêu chí, đạt 100%, cụ thể:

4.1. Tiêu chí 01 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

*1.1: Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch. (Đạt)*

*1.2: Có Quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn; tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch. (Đạt)*

*1.3: Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên (Đạt)*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chi tiêu 1.1. Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 (bao gồm cả huyện Đông Sơn) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định 259/QĐ-TTg ngày 17/3/2023 và công bố quy hoạch. Vì vậy xã Đông Phú, đã thực hiện rà soát các nội dung Quy hoạch nông thôn (QHC) xã, nhằm đảm bảo sự phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 11/02/2019.

Bản vẽ quy hoạch xây dựng nông thôn mới được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa các thôn và trực đường liên xã. Xây dựng kế hoạch và tổ chức cắm mốc, hoàn thành việc cắm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo quy hoạch được phê duyệt.

- Chi tiêu 1.2. Xã có quy chế quản lý quy hoạch được UBND huyện phê duyệt và chức thực hiện quản lý theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Chi tiêu 1.3. UBND xã có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên. Từ năm 2018 đến năm 2021 UBND xã Đông Phú có 08 mặt bằng được phê duyệt với 847 lô, diện tích: 202.972,7 m<sup>2</sup>.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### **4.2. Tiêu chí số 02 về Giao thông:**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định: 100% được bảo trì hàng năm, được bê tông hóa hoặc nhựa hóa, có chiều rộng mặt đường  $\geq 4,5m$ , chiều rộng nền đường  $\geq 6,5m$  (trong đó:  $\geq 60\%$  đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định).

2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản được cứng hóa và bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định: 100% được cứng hóa và bảo trì hàng năm (trong đó:  $\geq 80\%$  bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường  $\geq 3,0m$ , chiều rộng nền đường  $\geq 4,0m$  và  $\geq 50\%$  đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định).

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp:  $\geq 90\%$  (trong đó:  $\geq 80\%$  bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường  $\geq 3,0m$ , chiều rộng nền đường  $\geq 4,0m$ )

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa: 100% (trong đó:  $\geq 70\%$  bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường  $\geq 3,0m$ , chiều rộng nền đường  $\geq 4,0m$ )

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 2.1. Đường xã và đường trung tâm xã đến đường huyện dài 5,5km. 5,5/5,5 km đã được nhựa hóa đạt 100%; Chiều rộng nền đường 7,5m, mặt đường 6,5m. Các hạng mục cần thiết (biển báo, chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giám tốc, cây xanh...) đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp đạt tỷ lệ 69,1% (3,8/5,5km).

- Chỉ tiêu 2.2. Đường thôn: Gồm 4 tuyến, tổng chiều dài là 1,61km, đã cứng hoá được 4 tuyến, chiều dài cứng hoá là 1,61km, đạt 100%. Tỷ lệ mặt đường được bê tông hoá (chiều rộng mặt đường  $\geq 3,0m$ , chiều rộng nền đường  $\geq 4,0m$ ) 1,61/1,61 đạt 100%.

Các hạng mục cần thiết (biển báo, chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giám tốc, cây xanh...) đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp đạt tỷ lệ 68,9 (1,11/1,61km).

- Chỉ tiêu 2.3. Đường ngõ, xóm: Gồm 85 tuyến, tổng chiều dài là 12,7km, đã cứng hoá là 12,7 km, đạt 100%. tỷ lệ mặt đường được bê tông hoá 12,7/12,7 đạt 100% (mặt đường có bê tông hoá chiều rộng Bm  $\geq 3m$ , chiều rộng nền đường Bn  $\geq 4m$ ).

- Chỉ tiêu 2.4. Đường trục chính nội đồng: đã được cứng hoá 6,6/6,6 km đạt 100%, đã được bê tông hoá 5,6/6,6 km đạt 84,8%, mặt đường có bê tông hoá chiều rộng Bm  $\geq 3m$ , chiều rộng nền đường Bn  $\geq 4m$ ).

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

4.3. Tiêu chí số 03 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động:  $\geq 90\%$

3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững: (Đạt)

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước:  $\geq 20\%$

3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm (Đạt).

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi (Đạt).

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: (Khá).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp cần tưới và được tưới của xã cả năm là 662,56 ha, đạt tỷ lệ 100%. Trong đó: Vụ Chiêm xuân 2022: 324,38 ha, trong đó lúa 319,8 ha, rau màu và cây trồng khác 4,58 ha; Vụ Mùa 2022: 323,18 ha, trong đó lúa 318,6 ha, rau màu và cây trồng khác 4,58 ha; Vụ Đông năm 2022-2023: 15 ha rau màu và cây trồng khác.

\* Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động là

$$T_{\text{tưới}} = \frac{S_1}{S} \times 100(\%) = \frac{662,56}{662,56} * 100 = 100\%$$

Trong đó:

+  $T_{\text{Tưới}}$ : Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động (100%).

+  $S_1$ : Diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới chủ động 662,56 ha.

+  $S$ : Diện tích gieo trồng cả năm cần tưới theo kế hoạch 662,56ha

\* Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động là:

$$T_{\text{tiêu}} = \frac{F_1}{F} \times 100(\%) = \frac{520,32}{520,32} * 100 = 100\%$$

Trong đó:

+  $T_{\text{Tiêu}}$ : Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động (100%).

+  $F_1$ : Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp thực tế được tiêu chủ động 520,32 ha.

+  $F$ : Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp của xã 520,32ha (Trong đó đất sản xuất nông nghiệp được tiêu chủ động cả năm 338,35 ha; đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động 181,97 ha)

+ Diện tích nuôi trồng thủy sản: chủ yếu trong các ao hồ nhỏ của các hộ dân và do các hộ dân tự chủ động nguồn nước, lấy từ hệ thống kênh tưới của xã khi HTXDVNN bơm nước tưới và tiêu ra hệ thống của Công ty TNHH MTV Sông Chu.

$$T_k = \frac{K_1}{K} \times 100(\%) = \frac{6,18}{6,18} * 100 = 100\%$$

- Chỉ tiêu 3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững

+ Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã Đông Phú có hoạt động dịch vụ thủy lợi nội đồng, đảm bảo pháp lý, năng lực theo quy định của Luật Thủy lợi: HTX được thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã (có giấy đăng ký HTX); Hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác (có hợp đồng hợp tác và gửi thông báo tới UBND xã Đông Phú. Có điều lệ hoạt động dịch vụ thủy lợi được trên 50% số



thành viên của HTX thông qua và UBND xã xác nhận. Toàn bộ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là thành viên HTX.

+ Kết quả đánh giá hoạt động của HTX đảm bảo hiệu quả, bền vững và đạt 80/100 điểm.

- Chỉ tiêu 3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Cây trồng chủ lực trên địa bàn xã Đông Phú là cây lúa, vùng áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến Nông - Lộ - Phoi/ướt, khô xen kẽ 638,4/638,4 ha đạt 100%.

- Chỉ tiêu 3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

+ Các hạng mục công trình được sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ đạt 100% so với kế hoạch.

+ Năm 2022, UBND xã xây dựng kế hoạch bảo trì công trình thủy lợi mùa mưa, kế hoạch bảo trì công trình thủy lợi mùa khô trên địa bàn và triển khai, tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì đảm bảo đạt 100% so với kế hoạch.

+ HTX DVNN là đơn vị chủ trì, phối hợp với các thôn kí hợp đồng với cá nhân, đơn vị có năng lực thực hiện việc bảo trì công trình thủy lợi theo kế hoạch hàng năm.

+ Nguồn kinh phí để thực hiện bảo trì các công trình thủy lợi được lấy từ nguồn cấp bù thủy lợi phí và do nhân dân đóng góp.

- Chỉ tiêu 3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi: 04/04 thôn có hệ thống rãnh thoát nước, nước thải sinh hoạt và sản xuất được xử lý và thải ra hệ thống theo mương gom về kênh tiêu trực chính của xã đảm bảo quy định. UBND xã đã thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn nước thải, tổ chức quản lý nguồn nước thải trên địa bàn xã theo thẩm quyền. Tính đến thời điểm hiện tại chưa phát hiện được trường hợp vi phạm xả nước thải vào công trình thủy lợi.

- Chỉ tiêu 3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

+ Về tổ chức bộ máy: hằng năm, UBND xã Đông Phú đã kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự xã theo quy định; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ huy. Trong đó, có phân công cho công chức cấp xã theo dõi lĩnh vực PCTT và làm bộ phận thường trực của Ban chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS cấp xã.

+ Về con người: 100% cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác PCTT hàng năm được tập huấn, huấn luyện nâng cao năng lực, trình độ về công tác phòng chống thiên tai, cứu nạn cứu hộ; Hằng năm, xã thực hiện công tác rà soát, củng cố lực lượng xung kích phòng chống thiên tai; quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đội xung kích; xây dựng, ban hành quy chế hoạt động,

đồng thời xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tập huấn cho lực lượng xung kích PCTT đáp ứng yêu cầu ứng phó có thiên tai xảy ra.

- Thực hiện công tác tuyên truyền về PCTT và TKCN trên hệ thống loa truyền thanh xã và thông qua các hội nghị của xã, thôn và thông qua các buổi tập huấn của UBND xã; Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ trên hệ thống loa phát thanh của xã, thôn; trên trang facebook phòng chống thiên tai xã kết nối với trang facebook của trung ương, tỉnh, huyện kịp thời truyền tải thông tin về công tác phòng chống thiên tai đến các thành viên BCH và nhân dân trên địa bàn xã được nhanh chóng và hiệu quả.

+ Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả; UBND xã đã xây dựng và phê duyệt kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025; hàng năm có tổ chức rà soát, cập nhật, bổ sung Kế hoạch PCTT đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tế tại địa phương; đồng thời cập nhật, bổ sung và ban hành phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão, hạn hán; Phương án huy động lực lượng, vật tư, phương tiện, hậu cần phục vụ công tác PCTT, TKCN đảm bảo theo quy định, đáp ứng yêu cầu về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ

+ Chấp hành pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai, luôn được kiểm tra, ngăn chặn kịp thời, không có các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai phát sinh.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

4.4. Tiêu chí số 04 về Điện:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

*Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định:  $\geq 99\%$*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Toàn xã có 15,04km đường dây hạ thế, có 06 trạm biến áp với công suất là 1430 KVA. Trong quá trình thực hiện tiêu chí số 4 điện, xã Đông Phú đã phối hợp với điện lực Đông Sơn và Công ty Cổ phần quản lý kinh doanh Điện Thanh Hoá thay thế, tu sửa, bảo dưỡng, để cung cấp ổn định cho các hộ dân đủ điện sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, tỷ lệ dùng điện của địa phương là 1.299/1.299 hộ đạt 100%.

- Hệ thống công tơ điện và dây dẫn vệ các hộ gia đình: Hòm đựng công tơ bằng chất liệu composite, đảm bảo tiêu chuẩn; công tơ điện dùng cho các hộ gia đình đảm bảo về quy cách, mẫu mã và chất lượng theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; dây nối dẫn các hộ dân là dây bọc, đảm bảo về chất lượng dẫn điện và an toàn điện.

- Hành lang an toàn điện đảm bảo, hệ thống điện đảm bảo an toàn, không xảy ra tai nạn điện chết người, mất điện kéo dài trong mùa mưa bão.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

4.5. Tiêu chí 05 về Giáo dục:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2:  $\geq 100\%$ .

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (Đạt).

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS (Mức độ 3).

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ (Mức độ 2)

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại: Khá.

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền (Đạt).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 5.1. Trường Mầm non Đông Phú đã đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; Trường TH&THCS Đông Phú đã đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Trường TH&THCS Đông Phú đã đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Chỉ tiêu 5.2. Hằng năm, xã đều duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMNTE5T tốt và được UBND huyện công nhận đạt chuẩn Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, kết quả 2 năm gần đây:

Năm 2021: Đã đạt chuẩn PCGDMN trẻ em 5 tuổi theo Quyết định số 8991/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2021.

Năm 2022: Đã đạt chuẩn PCGDMN trẻ em 5 tuổi theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2022: Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến lớp đạt 100% (35/35); trẻ 6 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100% (48/48).

- Chỉ tiêu 5.3. Thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng PCGDTH và PCTHCS tốt và được UBND huyện công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học và phổ cập giáo dục THCS Mức độ 3, kết quả 2 năm gần đây:

Năm 2021: Đã đạt chuẩn PCGDTH và PCTHCS mức độ 3 theo Quyết định số 8991/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2021.

Năm 2022: Đã đạt chuẩn PCGDTH và PCTHCS mức độ 3 tại Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2022: Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3: Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% (48/48), trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình GDTH đạt 99,38% (161/162); Phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3: Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp THPT đạt 99,34% (151/152); trong đó đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp là 99,68% (150/152).

- Chỉ tiêu 5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ Mức độ 2

Đạt chuẩn xóa mù chữ Mức độ 2 năm 2022 theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn: Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-25 được công nhận biết chữ đạt 100% (561/561); Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-35 được công nhận biết chữ đạt 100% (1.547/1.547); Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-60 được công nhận biết chữ đạt 100% (2.982/2.982);

- Chỉ tiêu 5.5. Trung tâm HTCD của xã luôn hoạt động Tốt năm 2022 theo Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 và Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn. Trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, TTHTCD phối hợp, đấu môi với các cơ quan, doanh nghiệp để tổ chức dạy nghề như kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, chế biến lương thực, thực phẩm, giáo dục pháp luật, tin học... tổng số lớp nghề qua đào tạo được cấp văn bằng, chứng chỉ là 85 lớp. Tỷ lệ lao động có việc làm trong độ tuổi lao động 2.643/2.679 người, chiếm tỷ lệ 98,65%; Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt 2.199/2.679 đạt 82,08%.

- Chỉ tiêu 5.6.

Năm học 2022-2023, UBND xã đã xây dựng và ban hành kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 02/9/2022 về thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất và hoạt động thể thao xã Đông Phú. Các Nhà trường trên địa bàn căn cứ kế hoạch của xã xây dựng kế hoạch giáo dục thể chất, cho học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế, lứa tuổi của học sinh: Dạy bơi trong dịp hè hàng năm; nhảy dân vũ tập thể; võ thuật truyền thống...; chỉ đạo các nhà trường thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ thể dục thể thao rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

Trường TH&THCS ban hành Kế hoạch số 21/KH-TH&THCS ngày 10/9/2022 về kế hoạch giáo dục thể chất năm học 2022-2023, mô hình CLB Aerobic trường TH&THCS Đông Phú, kèm theo Quy chế, Điều lệ hoạt động, danh sách các thành viên kiêm nhiệm.

- Các mô hình giáo dục thể chất của các trường hoạt động đã giúp học sinh được trang bị kiến thức, kỹ năng an toàn trong hoạt động vận động hàng ngày. Các hoạt động thể dục thể thao của nhà trường đã thu hút được sự tham gia ngày càng đông đảo của cán bộ giáo viên và học sinh trong nhà trường. Các câu lạc bộ đã duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục, sôi nổi, hiệu quả, tạo sân chơi lành mạnh bổ ích cho các em. CBGV và học sinh tham gia giao lưu nhiều giải đấu, giao lưu nhiều giải đấu trên địa bàn huyện, giành được nhiều thành tích, được tặng nhiều giấy khen năm 2022-2023.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

4. 6. Tiêu chí 06 về Văn hóa:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

*6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.*

- *Có 70% các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời.*

- *Có các mô hình hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thôn, bản và tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao đảm bảo thu hút tối thiểu 40% người dân tham gia thường xuyên.*

- *Triển khai thực hiện các hoạt động thư viện*

*6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định. (Đạt)*

*6.3. Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới:  $\geq 75\%$  đạt tiêu chuẩn văn hóa trong 3 năm liên tục ( $\geq 78\%$  trong năm xét, công nhận hoặc năm liền kề).  $\geq 50\%$  đạt chuẩn nông thôn mới.*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chi tiêu 6.1: Trung tâm văn hoá- thể thao xã: Hội trường đa năng có diện tích sử dụng 500m<sup>2</sup>, quy mô 250 chỗ ngồi, diện tích sân khấu 50m<sup>2</sup>, có đầy đủ các phòng chức năng theo quy định. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo tổ chức các Hội nghị, sự kiện, chương trình văn hoá nghệ thuật, hội diễn văn nghệ và các hoạt động cộng đồng với quy mô cấp xã.

+ Khu thể thao xã với diện tích 2.000m<sup>2</sup>, gồm có sân cầu lông, sân bóng chuyền da, khu tập thể thao đơn giản và có bố trí các dụng cụ thể thao đáp ứng yêu cầu tập luyện thể thao của Nhân dân.

+ Sân vận động xã có diện tích 10.890 m<sup>2</sup> được đầu tư hoàn thiện với các hạng mục sân khấu, khán đài, sân bóng với cỏ phẳng, tự nhiên, sân vận động xã đáp ứng tổ chức tốt các giải bóng đá, các sự kiện lớn trên địa bàn.

+ Toàn xã có 4/4 thôn đạt 100% số thôn trên địa bàn xã có lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời gồm: Xà đơn, xà kép, bập bênh, xích đu, xe đạp thể lực, bóng chuyền da, bóng chuyền hơi ...

+ Thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, thực hành tiết kiệm trong cưới tang, lễ hội, ngày giỗ, ngày lễ; xây dựng nếp sống văn minh nơi cộng đồng, gieo tiếp ứng xử văn hóa trong sinh hoạt cộng đồng; bảo vệ cảnh quan, thiên nhiên, môi trường và giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội.

+ Hằng năm xã tổ chức ... giải thể thao quần chúng, thu hút đông đảo người dân tham gia, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các nhà văn hoá, câu lạc bộ văn hoá thể thao, điểm hoạt động thể thao ở các thôn tham gia các hội thi, hội diễn, tạo phong trào sôi nổi ở khu dân cư. Triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện 8 CLB trong đó có 04 CLB VHVH-TDĐT; 04 CLB dân vũ. Số gia đình thể thao 662/1.299 hộ chiếm 51%, số người thường xuyên tham gia luyện tập 2.134/4.446 (chiếm 48% dân số).

+ Hoạt động thư viện xã, thư viện trường học... với gần 3.000 lượt sách, báo được luân chuyển; máy tính kết nối Internet phục vụ người dân tra cứu, học tập

- Chỉ tiêu 6.2. Trên địa bàn xã đến nay không có di tích đã được xếp hạng; Không có di tích, di sản văn hóa phi vật thể đủ tiêu chí đưa vào danh mục kiểm kê, ghi danh bảo vệ theo tiêu chuẩn tại Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 6 năm 2010 và Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Tiêu chí 6.3: Từ năm 2020-2022 có 4/4 thôn đạt 100 % số thôn đạt chuẩn văn hoá trong 3 năm liền; 01 thôn đạt danh hiệu gia đình văn hóa 5 năm liên tục (thôn Phú Bình) đạt 25%; Số hộ đạt gia đình văn hóa đạt trên 83,8%; 4/4 thôn đạt thôn NTM kiểu mẫu, đạt 100%.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

4.7. Tiêu chí 07 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

*Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm (Nếu xã không có chợ đang hoạt động thì có cửa hàng, siêu thị, cửa hàng tiện lợi đạt an toàn thực phẩm theo quy định). Đạt*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Trên địa bàn xã có 01 chợ hạng 3 do UBND xã quản lý, có quy mô: diện tích: 1.226m<sup>2</sup>, 10 gian hàng, 13 hộ đang kinh doanh cố định, hàng hóa chủ yếu là các dụng cụ, vật dụng, đồ gia dụng thông thường, thực phẩm rau, củ quả, thịt, cá. Hàng hoá kinh doanh trong chợ không thuộc danh mục cấm cấm kinh doanh.

- Chợ có ban quản lý chợ và hoạt động theo quy chế đã được phê duyệt. Chợ Đông Phú đã đạt Chợ kinh doanh thực phẩm phù hợp tiêu chuẩn được cấp giấy chứng nhận số 2654.21/QĐCN-IQC-HCC ngày 06/10/2021 do công ty cổ phần chứng nhận giám định IQC cấp. Chợ họp 01lần/ngày.

- Khu nhà chính, được xây dựng kiên cố hoá, kết cấu móng đá, nền bê tông, kèo sắt, mái tôn, Khuôn viên chợ có hệ thống tường rào bao quanh, nền và sân chợ được đổ bê tông; Khu vệ sinh bố trí nam nữ riêng. Các khu vực bán hàng được phân khu theo quy định các mặt hàng kinh doanh cụ thể, hợp lý tạo môi trường vệ sinh sạch sẽ; hệ thống cấp nước sạch và rãnh thoát nước riêng, đảm bảo thông thoáng và dễ dàng thông tắc, có một bể nước 03 m<sup>3</sup> dùng cho công tác vệ sinh chung của Chợ; khu vực để xe phù hợp với lưu lượng người vào chợ, được bố trí đảm bảo trật tự, an toàn cho khách; khu thu gom và xử lý rác thải và phương án vận chuyển rác trong ngày về khu xử lý rác tập trung của xã; có phương án và hệ thống cấp điện đảm bảo cho hoạt động của chợ và phương án và thiết bị phòng cháy chữa cháy, chợ được trang bị 4 bình chữa cháy đảm bảo chất lượng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

4. 8. Tiêu chí số 8: Thông tin và truyền thông.

a. Yêu cầu tiêu chí:

- 8.1: Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. (Đạt)

- 8.2: Có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tối thiểu 50% đối với xã đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; tối thiểu 80% đối với các xã còn lại. (Đạt)

- 8.3: Có dịch vụ báo chí truyền thông. (Đạt)

- 8.4: Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới. (Đạt)

- 8.5: Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng). (Đạt)

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 8.1

+ Xã Đông Phú có điểm phục vụ Bưu chính là Bưu điện Văn hóa xã Đông Phú, mã số hiệu 40818, bán kính phục vụ bình quân trên 01 điểm phục vụ: 3km; đảm bảo QCVN 01:2015/BTTTT. Điểm Bưu điện Văn hóa xã Đông Phú có đầy đủ tủ sách, bàn ghế thuận lợi cho việc đọc sách báo miễn phí của người dân, có khả năng tiếp nhận và trả hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến theo yêu cầu của người dân và có thùng thư công cộng độc lập, tần xuất thu gom theo đúng quy định.

+ Toàn xã có 03 đại lý cung cấp dịch vụ internet đến 4/4 thôn trong toàn xã, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu sử dụng của 100% hộ gia đình có nhu cầu sử dụng. Nhân viên tại Điểm phục vụ có khả năng sử dụng thành thạo và hướng dẫn được cho người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

- Chỉ tiêu 8.2

Trên địa bàn xã có 2.311/2.679 người dân trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt 86,26%.

- Chỉ tiêu 8.3

+ Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến thôn, sử dụng công nghệ internet kết hợp với hệ truyền thanh hữu tuyến đang hoạt động; có 4/4 thôn (đạt 100%) đảm bảo hệ thống loa truyền thanh kết nối với đài truyền thanh xã hoạt động ổn định, phục vụ tốt công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương đường lối của Đảng, Chính sách Pháp luật của Nhà nước đến cộng đồng dân cư trong xã. 100% thôn trên địa bàn xã đều đáp ứng được các điều kiện cơ bản: hạ tầng viễn thông có định mặt đất (Công nghệ băng rộng cố định), mạng thông tin di động mặt đất (Công nghệ di động 3G, 4G) sẵn sàng cung cấp đầy đủ các dịch vụ viễn thông, Internet theo quy định của Bộ thông tin và truyền thông; 100% thôn có hộ gia đình thu xem được một trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng internet.

+ Xã có điểm cung cấp xuất bản phẩm của hộ gia đình bà Ngô Thị Dung tại thôn Phú Bình, xã Đông Phú chuyên cung cấp: sách giáo khoa, văn phòng phẩm.

- Chỉ tiêu 8.4

Xã Đông Phú có tỷ lệ cán bộ công chức được trang bị máy tính phục vụ trong công việc đạt 100%; thường xuyên duy trì hoạt động của trang thông tin điện tử của địa phương (Địa chỉ website: dongphu.dongson.gov.vn); có ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, phần mềm theo dõi nhiệm vụ để phục vụ công tác quản lý và điều hành và trao đổi văn bản trên môi trường mạng; Thường xuyên cập nhật và đưa tin lên website theo đúng quy định.

Trên địa bàn xã đã thành lập và ra mắt 4 mô hình ban điều hành ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng nông thôn mới tại 4 thôn. Các thôn đã tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới thông qua các ứng dụng zalo, fecekook ...

Sản phẩm OCOP Giò lụa Đức Thảo được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử (postmart.vn hoặc voso.vn) để đưa sản phẩm OCOP của xã được quảng bá trên sàn thương mại điện tử của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (POSTmart.vn), góp phần thúc đẩy, nâng cao giá trị thương hiệu, mở rộng thị trường cho sản phẩm.

- Chỉ tiêu 8.5

Tại trụ Sở UBND xã và Hội trường UBND xã đã được lắp đặt các wifi phục vụ nhu cầu sử dụng của cán bộ, công chức xã và người dân đến làm việc tại



xã; 4/4 thôn, trạm ý tế, bưu điện, các trường học, ... đã lắp đặt wifi miễn phí tạo điều kiện thuận lợi cho người dân truy cập Internet, và các dịch vụ công.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### 4. 9. Tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư

a. Yêu cầu của tiêu chí:

*Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố:  $\geq 90\%$ .*

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tổng số hộ có nhà ở trong xã: 1.299 hộ; trong đó: hộ ở nhà tạm, nhà dột nát: 0 hộ, chiếm tỷ lệ 0 %; hộ có nhà ở không đạt chuẩn BXD: 77/1.299 hộ, chiếm tỷ lệ 5,93%; Số hộ có nhà ở kiên cố (nhà ở nông thôn đạt chuẩn: 1.222/1.299 hộ đạt 94,07%). Các khu dân cư đã được chỉnh trang, đảm bảo xanh, sạch đẹp (như trồng hoa 2 bên đường; làm rãnh thoát nước có nắp đậy; bố trí cột đèn đường; cắt tỉa cây làm thông thoáng tầm nhìn; các hộ dân đã cơ bản chỉnh trang, sơ lại nhà cửa tường rào...vv).

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### 4. 10. Tiêu chí số 10 về thu nhập

a. Yêu cầu của tiêu chí:

*Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người), năm 2023:  $\geq 58$*

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hàng năm, Đảng ủy xã đã có nghị quyết về phát triển kinh tế-xã hội, UBND xã xây dựng kế hoạch, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ từ sản xuất nông nghiệp theo hướng liên kết, chuỗi giá trị, cải tạo vườn hộ, trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao, đến duy trì, mở rộng các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, thu hút vốn đầu tư, tạo việc làm; từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động. Các doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh đã tạo công ăn việc làm ổn định cho nhiều lao động tại địa phương. Sản xuất nông nghiệp có nhiều mô hình phát triển kinh tế mới hiệu quả, đem lại thu nhập cao cho người dân như: mô hình trồng cây ăn quả, mô hình sản xuất hoa, rau củ quả trong nhà màng, nhà lưới, mô hình phát triển kinh tế trang trại, vườn hộ được chỉnh trang, cải tạo trồng những cây có giá trị và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.... Vì vậy, đời sống của nhân dân không ngừng được nâng cao, thu nhập bình quân đầu người cũng tăng liên tục qua các năm.

Đến tháng 12/2022, thu nhập đạt 58,1 triệu đồng/người/năm và từ quý 4/2022 đến tháng 4 năm 2023 thu nhập bình quân đầu người tiếp tục được duy trì với mức thu nhập 58,1 triệu đồng/người/năm.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### 4.11. Tiêu chí số 11 về nghèo đa chiều

a) Yêu cầu của tiêu chí:

*Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2023-2025 vùng 2: < 4 %.*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tổng số hộ dân cư của xã tại thời điểm thẩm tra: 1.299 hộ

\* Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (trừ số hộ nghèo không có khả năng lao động)

Tổng số hộ nghèo của xã tại thời điểm thẩm tra: 06 hộ, trong đó 04 hộ nghèo không có khả năng lao động. Tổng số hộ nghèo của xã (đã trừ đi số hộ nghèo không có khả năng lao động) là 02 hộ.

$$\text{Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (\%)} = \frac{6 - 4}{1299 - 6} \times 100 = 0.15 \%$$

\* Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều (trừ số hộ cận nghèo không có khả năng lao động)

Tổng số hộ cận nghèo của xã tại thời điểm thẩm tra: 13 hộ, trong đó 12 hộ cận nghèo không có khả năng lao động. Tổng số hộ cận nghèo của xã (đã trừ đi số hộ cận nghèo không có khả năng lao động) là 01 hộ.

$$\text{Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (\%)} = \frac{13 - 12}{1299 - 12} \times 100 = 0,08 \%$$

\* Tỷ lệ nghèo đa chiều của xã được xác định bằng tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều (trừ hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động)

$$\text{Tỷ lệ nghèo đa chiều (\%)} = 0.15 + 0,08 = 0,23 \%$$

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

4.12. Tiêu chí 12 về Lao động

a) Yêu cầu của tiêu chí:

12.1. *Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): >= 80%*

12.2. *Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): >= 30 %*

12.3. *Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn: Nông, lâm, ngư nghiệp <30% hoặc Công nghiệp - Xây dựng >40% hoặc Dịch vụ >30%.*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tổng số hộ dân của xã: 1.299 hộ, tổng số nhân khẩu của xã: 4.446 khẩu, trong đó: Lực lượng lao động: 2.679 người, lao động qua đào tạo: 2.199 người, lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: 965 người.

- Chỉ tiêu 12.1

$$\text{Tỷ lệ lao động qua đào tạo (\%)} = \frac{2.199}{2.679} \times 100 = 82.08 (\%)$$

- Chỉ tiêu 12.2

$$\text{Tỷ lệ LĐ qua ĐT có bằng cấp, chứng chỉ (\%)} = \frac{965}{2.679} \times 100 = 36.02(\%)$$

- Chỉ tiêu 12.3

Toàn xã có 2.679 người trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động; 2.604 lao động có việc làm thường xuyên đang làm việc trong các lĩnh vực: Nông-lâm-ngư nghiệp là 581 người, công nghiệp-xây dựng là 1.301 người, dịch vụ là 722 người.

Ngành kinh tế chủ lực của xã là ngành công nghiệp, xây dựng (*Đã được công nhận tại công văn số 667/UBND-LĐTĐXH ngày 07/4/2023 của UBND huyện Đông Sơn*).

$$\text{Tỷ lệ LĐ LV trong lĩnh vực CN, XD(\%)} = \frac{1.301}{2.679} \times 100 = 48.56(\%)$$

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### **4.13. Tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

*13.1 Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định. ≥ 1*

*13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn. (Đạt).*

*13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm. ≥ 1*

*13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã. ≥ 1 sản phẩm.*

*13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử. ≥ 10%.*

*13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng. Đạt (nếu có).*

*13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội. (Đạt)*

*13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường) ≥ 1 mô hình.*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

Xã Đông Phú có HTXDV nông nghiệp Đông Phú được thành lập năm 1999, tính đến thời điểm hiện tại HTX có 37 thành viên tham gia; HTX có chủ

tịch HĐQT, phó chủ tịch HĐQT, kế toán, ban kiểm soát có 1 người và 33 thành viên HTX. Các thành viên góp vốn bằng tiền Việt Nam đồng, mức đóng góp tối đa không quá 20% vốn điều lệ của HTX, vốn điều lệ của HTX là 181.000.000 đồng. Hoạt động của HTX năm qua có lãi, đảm bảo đời sống cho các thành viên trong HTX; HTX sản xuất, kinh doanh chủ yếu trên một số ngành nghề như: dịch vụ giải phóng đất, thu hoạch lúa bằng máy gặt, tưới tiêu, bảo vệ sản xuất, đào đắp thủy lợi nội đồng và dịch vụ thuốc bảo vệ thực vật, thu mua lúa tươi... duy trì hoạt động khuyến nông, bảo vệ thực vật, hướng dẫn nhân dân các biện pháp chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh kịp thời và đạt hiệu quả.

- Hàng năm, HTX DV nông nghiệp thực hiện ký kết với công ty cổ phần thương mại Sao Khuê tiêu thụ sản phẩm chủ lực cho người dân trong xã và cung ứng thuốc bảo vệ thực vật cho xã viên và nhân dân. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 có lợi nhuận là hơn 108 triệu đồng, có mô hình liên kết gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực của xã, bước đầu đã đem lại hiệu quả, tạo được niềm tin của xã viên và nhân dân trong xã.

- Chỉ tiêu: 13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.

Thực hiện Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Năm 2023, xã Đông Phú có 01 sản phẩm OCOP 3 sao (giò lụa Đức Thảo) được công nhận tại Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 UBND huyện Đông Sơn.

- Chỉ tiêu 13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

Mô hình cơ giới hóa đã được duy trì, áp dụng trong nhiều năm liên tục với quy mô 200ha/vụ do Hợp tác xã thực hiện và liên kết với các chủ máy trên địa bàn để phục vụ nhu cầu của nhân dân với số lượng máy móc thực hiện trong các khâu sản xuất lúa:

+ Khâu làm đất: Có: 14 máy làm đất (Trong đó máy HTX: 4 máy; máy ngoài: 10 máy); Loại máy: Kubota B2420; Công suất: 8 sào/h.

+ Khâu gieo trồng: Có: 6 máy cấy, 1 máy làm mạ khay: 10.000 khay/ngày (Trong đó: máy HTX: 1 máy; máy ngoài: 5 máy); Loại máy: Kubota SL-K800WN; Công suất: 5ha/ngày/8h.

+ Khâu tưới tiêu: Trên địa bàn xã có hệ thống tưới tiêu tự chảy của trạm bơm 1 và trạm bơm 2; kênh tiêu Tân Thành 1, Tân Thành 2 và kênh tự chảy theo địa hình. Kênh mương nội đồng trên địa bàn xã được nạo vét thường xuyên hàng vụ. Nên hệ thống tưới tiêu trên địa bàn xã rất chủ động và thuận tiện cho sản xuất nông nghiệp.

+ Khâu chăm sóc: Trên địa bàn xã có 250 bình bơm thuốc sâu bằng điện phục vụ cho nhân dân phòng trừ sâu bệnh, phun thuốc trừ cỏ cho nhân dân để hạn chế được sức người trong việc làm cỏ bằng máy như trước đây.

+ Khâu thu hoạch: Có: 6 máy gặt (trong đó: HTX: 1 máy, thuê ngoài: 5 máy); Loại máy: Kubota DC60; Công suất: 14ha/ngày/8h

+ Tỷ lệ các khâu được cơ giới hóa: Khâu làm đất: 319,8/319,8ha 100%; gieo trồng: 200/319,8ha đạt 62,54%; chăm sóc: 200/319,8ha đạt 62,54%; chăm sóc đạt 62,54%; thu hoạch: 319,8ha/319,8ha đạt 100%; tưới tiêu: 319,8/319,8ha đạt 100%.

- Chỉ tiêu 13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các khâu trong sản phẩm chủ lực của xã là gạo.

HTX DVNN Đông Phú ký hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ lúa tươi với Công ty Cổ phần thương mại Sao Khuê với quy mô diện tích 200 ha/năm. Sản phẩm lúa trên địa bàn xã đã được Cổ phần thương mại Sao Khuê chế biến và ký hợp đồng với Công ty Cổ phần iCheck để cung cấp tem truy xuất nguồn gốc, các thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất, lưu trữ chế biến và thương mại đều được tích hợp trong mã Qr Code trên tem. Gạo thương phẩm: Gạo Sao Khuê. Đến nay, đã có 60.000 tem được dán trên bao bì sản phẩm, phục vụ cho công tác truy xuất nguồn gốc. Lượng gạo đưa ra thị trường hiện nay 1.200 tấn được liên kết tiêu thụ, giá trị tăng gấp 2 lần so với sản xuất bình thường.

- Chỉ tiêu 13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử.

Sản phẩm chủ lực của xã là lúa gạo, hợp tác xã DVNN Đông Phú đã liên kết tiêu thụ lúa tươi với công ty cổ phần thương mại Sao Khuê với quy mô diện tích 200 ha, sản lượng 1.200 tấn chiếm 30,82% (1.200/3.894 tấn) sản lượng toàn xã. Sản phẩm gạo Sao Khuê được công ty giới thiệu, bán sản phẩm trên trang <http://Saokhue.vn.com> và trang nông sản an toàn <https://www.nongsanantoanthanhhoa.vn>.

- Chỉ tiêu 13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng. UBND xã chỉ đạo và giao HTX DVNN triển khai thực hiện vùng trồng lúa tập trung tại thôn Chiếu Thượng với 31 hộ tham gia, quy mô diện tích 4,7 ha. Đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông cấp mã số vùng trồng tại Giấy xác nhận cấp mã số vùng trồng số 2797/GXN-SNN&PTNT ngày 09/6/2023.

- Chỉ tiêu 13.7. Triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

Ủy ban nhân dân xã đã triển khai xây dựng trang thông tin điện tử của xã tại địa chỉ <http://dongphu.dongson.thanhhoa.gov.vn>; đăng tải thông tin du lịch của xã trên trang thông tin điện tử cấp huyện tại địa chỉ <http://dongson.thanhhoa.gov.vn> và trang fanpage quảng bá thông tin, hình ảnh, vùng đất con người, các giá trị văn hoá, truyền thống, các sản phẩm đặc trưng

của xã đến nhân dân trong và ngoài tỉnh. Thông tin về di tích, lịch sử, văn hoá của xã còn được đăng tải trên các trang mạng xã hội như zalo, facebook.

- Chỉ tiêu 13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

Xác định yêu cầu chuyển đổi từ “ *tư duy sản xuất*” sang “ *tư duy kinh tế*”, hướng tới những “ *giá trị xanh*” được tạo nên từ “ *chuyển đổi xanh, tiêu dùng xanh, kinh tế xanh*”. Song song với mục tiêu duy trì, cải thiện năng suất, sản lượng, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã cần phát triển tích hợp “ *đa giá trị*”. Mô hình sản phẩm giò lụa Đức Thảo sản phẩm đạt chứng nhận 3 sao cấp tỉnh đã tích hợp đa giá trị, tạo ra giá trị gia tăng tối ưu trong điều kiện đất nông nghiệp ngày càng thu hẹp, chịu tác động từ biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, kết tinh từ sản phẩm trong chăn nuôi trong địa bàn huyện với các kỹ thuật, công nghệ chế biến gắn với bản sắc văn hoá - xã hội của địa phương, tạo thành thương hiệu cho sản phẩm nông nghiệp, nông thôn giò lụa Đức Thảo, thu hút 8 lao động tại chỗ của địa phương có thêm việc làm, thu nhập tăng thêm bình quân từ 5,5 triệu đồng/tháng/người.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

4.14. Tiêu chí 14 về Y tế:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

4.14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 95\%$ .

4.14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 90\%$ .

4.14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 40\%$ .

4.14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử:  $\geq 70\%$ .

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 14.1: Tổng số nhân khẩu của xã có thẻ BHYT: 4.086 người gồm: Công an, quân đội: 82 người; số người có thẻ BHYT (mua và được cấp): 3.141 người. Tỷ lệ người có thẻ BHYT trên dân số của xã: 4.086/4.269 người, đạt 95,71%.

- Chỉ tiêu 14.2: Cơ sở vật chất: Trạm y tế xã Đông Phú với diện tích 509 m<sup>2</sup> được chia làm 12 phòng chức năng, 4 giường bệnh cơ sở hạ tầng khang trang, sạch đẹp, được trang bị được phân bổ theo gói dịch vụ các năm đủ theo danh mục quy định; Thuốc thiết yếu trong danh mục BHYT và tủ thuốc tại trạm y tế cung ứng đầy đủ phục vụ nhân dân; vườn mẫu thuốc nam có đủ 70 loại cây; Nhân lực trạm y tế xã có 4 người (01 bác sỹ, 01 Nữ hộ sinh cao đẳng, 02 điều dưỡng trung học).

UBND xã chỉ đạo Trạm y tế xã xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể về triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn xã Đông Phú đến ngày 30/3/2023, tỷ lệ người dân được quản lý sức khỏe 4.251/4.373 người, đạt 97,21%.

- Chỉ tiêu số 14.3: UBND xã triển khai đến các người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa áp dụng cho cả nam và nữ qua phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân như APP MOBIL điện thoại thông minh để cài đặt phần mềm tiêm chủng cho trẻ < 5 tuổi, phụ nữ có thai, tiêm vắc xin phòng chống Covid-19 và cài đặt PC Covid, Sổ sức khỏe điện tử. Tỷ lệ người dân có sử dụng điện thoại thông minh có APP 2.397/4.446 người đạt 53,9%.

- Chỉ tiêu số 14.4: UBND xã tổ chức thực hiện hồ sơ sức Khỏe điện tử, đồng thời tuyên truyền và hướng dẫn người dân sử dụng khám chữa bệnh từ xa được tích hợp trong phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân, kết quả đến nay đã có 4.251/4.373 người dân trong xã có sổ chữa bệnh điện tử để người dân cập nhật thông tin về sức khỏe của bản thân đạt 97,21%.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt yêu cầu.

#### 4.15. Tiêu chí 15 về Hành chính công

a) Yêu cầu của tiêu chí:

*15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (Đạt).*

*15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên (Đạt).*

*15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp (Đạt).*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC)

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC)

Phòng làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND xã Đông Phú được sắp xếp gọn gàng, sạch đẹp với diện tích 54 m<sup>2</sup>, được bố trí 02 dãy ghế ngồi chờ cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch đảm bảo đúng quy định. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đầu tư cho bộ phận một cửa: 02 điều hòa; hệ thống camera theo dõi với 03 mắt quan sát, 01 bàn làm việc khép kín với 05 quầy giao dịch, 05 máy tính kết nối mạng, 05 máy in, 01 máy photocopy, 01 máy Scan; 05 tủ đựng hồ sơ cho công chức chuyên môn đựng tài liệu; cán bộ công chức đã được cấp và sử dụng chứng thư số; 04 quạt mát, hệ thống các bảng biểu và các trang thiết bị cần thiết khác đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan.

Thực hiện đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình giải quyết công việc: 17/17 cán bộ công chức sử dụng thành thạo máy tính trong giải quyết công việc, đạt 100 %; 100% máy tính của tất cả cán bộ công chức được kết nối mạng Internet; hiện tại các bộ phận chuyên môn đã và đang áp dụng hệ chương

trình quản lý hồ sơ công việc trên phần mềm Td-Office và giải quyết công việc trên môi trường Điện tử một cửa và dịch vụ công.

Từ năm 2021 đến hết quý I năm 2023 có 3.041/3.041 hồ sơ, đạt 100% hồ sơ TTHC thực hiện trên phần mềm một cửa điện tử, không có hồ sơ quá hạn.

- Chỉ tiêu 15.2. Có dịch vụ công trực tuyến

+ Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tỷ lệ hồ sơ luôn đạt chỉ tiêu tỉnh giao; 100% các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của xã được đảm bảo chỉ tiêu huyện giao.

+ Hồ sơ trực tuyến mức độ 3: Từ năm 2021 đến hết quý I năm 2023 có 445/458 hồ sơ đạt 97,16%.

+ Hồ sơ trực tuyến mức độ 4: Từ năm 2021 đến hết quý I năm 2023 có 762/805 hồ sơ đạt 94,65%. Vượt chỉ tiêu tỉnh giao.

- Chỉ tiêu 15.3: Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

+ UBND xã Đông Phú thực hiện niêm yết công khai, đầy đủ, kịp thời 247/247 TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cấp xã; niêm yết danh mục 11 TTHC dịch vụ công mức độ 3; 27 TTHC mức độ 4 tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả trên Trang thông tin điện tử của xã. Công khai đường dây nóng, Địa chỉ tiếp nhận, chuyên và xử lý phản ánh, kiến nghị (địa chỉ: <https://phanhoi.thanhhoa.gov.vn>; <http://pakn.dichvucong.gov.vn>).

+ Việc giải quyết thủ tục hành chính theo hướng tinh gọn, đơn giản, dễ thực hiện, kết hợp với thái độ phục vụ tận tình, ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

4.16. Tiêu chí 16 về Tiếp cận pháp luật:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

*16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận  $\geq 1$ .*

*16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành:  $\geq 90\%$*

*16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu:  $\geq 90\%$*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 16.1. Xã có 2 mô hình phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận gồm: mô hình “ làng quê an toàn cho phụ nữ và trẻ em” và “tổ hòa giải kiểu mẫu” tại thôn Hoàng Thịnh.

- Chỉ tiêu 16.2. Không có vụ việc nào thuộc phạm vi hòa giải.



- Chỉ tiêu 16.3. Không có người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt 100% (không có người yêu cầu).

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

4.17. Tiêu chí 17 về Môi trường:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường (Đạt).

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 100%.

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định:  $\geq 85\%$ .

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả  $\geq 40\%$ .

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn  $\geq 50\%$ .

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường: 100%.

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường:  $\geq 80\%$ .

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường:  $\geq 85\%$ .

17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch (Đạt).

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng  $\geq 5\%$ .

17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn:  $\geq 4m^2/\text{người}$ .

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định:  $\geq 70\%$ .

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 17.1: Trên địa bàn xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, khu chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), khu nuôi trồng thủy sản. Qua rà soát, thống kê trên địa bàn xã có 45 cơ sở kinh doanh, dịch vụ, cơ sở chăn nuôi, cơ sở nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ trong khu dân cư. 45/45 cơ sở đều sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ, phát sinh nguồn thải ra môi trường rất ít các hộ đều cam kết và thực hiện đúng không gây ảnh hưởng đến môi trường. 100% cơ sở chăn nuôi có hệ thống xử lý chất thải như bể biogas, đệm lót sinh học... đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Chỉ tiêu 17.2 Hiện nay, trên địa bàn xã có 130 cơ sở sản xuất, kinh doanh quy mô hộ gia đình, đều là các hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ. Các hộ đã

ký cam kết bảo vệ môi trường với UBND xã. Trong quá trình sản xuất, kinh doanh các cơ sở đã cơ bản chấp hành tốt công tác bảo vệ môi trường, thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp thu gom, quản lý và xử lý chất thải phát sinh theo các cam kết đã ký đạt 100%.

- Chỉ tiêu 17.3: Hiện tại trên địa bàn xã Đông Phú đã ký hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại với HTX DV môi trường Tân Sơn. Lượng rác thải sinh hoạt trên địa bàn sau khi phân loại tại hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (rác thải tái chế để bán phế liệu, rác thải hữu cơ tận dụng làm thức ăn chăn nuôi và làm phân bón) được thu gom định kỳ 2 ngày 01 lần có 1.299/1.299 hộ gia đình được thu gom đạt 100%.

- Chỉ tiêu 17.4. UBND xã đã ban hành quy chế bảo vệ môi trường của UBND xã, hàng năm có kế hoạch bảo vệ môi trường. Trong đó, đường làng ngõ xóm, khu dân cư được tiến hành dọn vệ sinh thường xuyên 1 tuần/1 lần vào chiều Chủ nhật hàng tuần.

Tại các khu dân cư có hệ thống tiêu thoát nước chung, hầu hết các hộ gia đình xây dựng hố lãng, bể Biogas để lãng lọc trước khi thải ra môi trường. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp 942/1.299 hộ, đạt 72,5%.

- Chỉ tiêu 17.5. Toàn xã có 100% số hộ đã thực hiện biện pháp thu gom xử lý rác thải. Trong đó có 969 hộ/1299 hộ đạt 74,6% số hộ gia đình trên địa bàn xã đã thực hiện phân loại rác thải tại nguồn trước khi hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường Tân Sơn thu gom để vận chuyển đến bãi tập trung rác thải để xử lý.

- Chỉ tiêu 17.6 Trên địa bàn xã có 20 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường (*thôn Chiểu Thượng: 6 bể; thôn Hoàng Văn: 4 bể; thôn Hoàng Thịnh: 6 bể; thôn Phú Bình: 4 bể;*). Tại mỗi xứ đồng của từng thôn có đặt các bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, hàng tháng tổ thu gom rác thu gom để vận chuyển về bãi rác tập trung của thị xã.

Đối với chất thải rắn nguy hại trong sinh hoạt như (pin, nhiệt kế, bóng đèn huỳnh quang thải, thiết bị điện tử, vỏ chai lọ, đựng hóa chất nguy hại...), được thu gom vào thùng riêng biệt đặt tại các khu vực công cộng để đơn vị thu gom xử lý theo quy định.

- Chỉ tiêu 17.7 Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Tỷ lệ khối lượng chất thải được thu gom, xử lý, tái sử dụng/khối lượng chất thải phát sinh đạt 86,14%.

$$T_{\text{thải}} = \frac{\text{Khối lượng chất thải thu gom}}{\text{Khối lượng chất thải phát sinh}} = \frac{6.614}{7.678} = 86,14\%$$

- Tỷ lệ hộ gia đình, trang trại áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp/tổng số hộ gia đình, trang trại đạt 100%

$$T_{\text{hộ}} = \frac{\text{Số hộ áp dụng biện pháp}}{\text{Tổng số hộ}} = \frac{1.024}{1.024} = 100\%$$

- Chỉ tiêu 17.8.

\* *Đối với chăn nuôi trang trại:* Trên địa bàn xã Đông Phú có 02 trang trại đang hoạt động có hiệu quả: Trang Trại hộ nhà ông Nguyễn Chí Ninh ở thôn Hoàng Thịnh và trang trại hộ Nguyễn Duy Tùng ở thôn Hoàng Thịnh xã Đông Phú. Có vị trí cách xa khu dân cư 500m và không làm ảnh hưởng đến khu dân cư, nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi; Chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi được bố trí phù hợp với từng loại vật nuôi, với vật nuôi; cung cấp đủ thức ăn, nước uống bảo đảm vệ sinh; phòng bệnh và trị bệnh theo quy định của pháp luật về thú y; Trang trại luôn thực hiện kê khai ban đầu, có sổ ghi chép quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng TACN, thuốc thú y, vắc xin và thông tin khác để đảm bảo truy xuất nguồn gốc; lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ nuôi.

Thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường hằng năm có đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Qua kiểm tra, theo dõi trang trại chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: 02/02 trang trại đạt 100%.

\* *Đối với chăn nuôi nông hộ:* Trên địa bàn xã có sổ thống kê số lượng các cơ sở chăn nuôi để nắm bắt số hộ chăn nuôi, biện pháp xử lý trong chăn nuôi sẽ được cập nhật phần mềm trên hệ thống khi đi vào hoạt động. Toàn xã có 105 hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, chủ yếu là nuôi trâu, bò, lợn, gia cầm. Chuồng nuôi được tách biệt với nơi ở của người, vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi định kỳ. Chất thải trong được xử lý: phần phân khô được ủ làm phân bón và phần nước tiểu, nước rửa chuồng được cho xuống hố bioga đảm bảo vệ sinh môi trường. Các hộ chăn nuôi thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 của Luật Chăn nuôi (*Có bản kê khai ban đầu kèm theo*)

Qua kiểm tra, theo dõi hộ chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: 92/105 hộ đạt 88%. Do vậy trên địa bàn toàn xã cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: 92/105 hộ đạt 88%.

- Chỉ tiêu 17.9: Xã bố trí quy hoạch 02 Khu nghĩa trang nhân dân xã tập trung với diện tích khoảng 6,07 ha (nghĩa trang Đồng Tranh: 3,43ha, nghĩa trang Cồn Giàn: 2,62 ha) được quy hoạch cách xa khu dân cư, có đường vào được bê tông sạch sẽ, xung quanh trồng cây xanh thuận tiện cho việc thăm viếng của người dân. Có Ban quản trang, việc mai táng của nhân dân được thực hiện đúng theo quy chế, đảm bảo công tác vệ sinh môi trường trong và ngoài khu nghĩa trang; việc mai táng được thực hiện tại vị trí xác định theo quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt. Nghĩa trang đáp ứng các quy định của pháp luật.

- Chỉ tiêu 17.10: Tỷ lệ hỏa táng từ năm 2015 đến nay (thời điểm xã đăng ký xây dựng NTM nâng cao), tỷ lệ hỏa táng của xã đạt bình quân hàng năm là 71/232 đạt 30,6%.

+ Năm 2015: Số người chết là 26 người, hình thức tang là hung tang và hỏa táng tại nghĩa địa các thôn, diện tích các mộ trung bình từ 2,5m<sup>2</sup> trở lên; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng.

+ Năm 2016: Số người chết là 26 người, hình thức tang là hung tang và hỏa táng tại nghĩa địa các thôn, diện tích các mộ trung bình từ 2,5m<sup>2</sup> trở lên; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng. Trong đó có 2 trường hợp hỏa táng chiếm 7,7%.

+ Năm 2017: Số người chết là 26 người, hình thức tang là hung tang và hỏa táng tại nghĩa địa các thôn, diện tích các mộ trung bình từ 2,5m<sup>2</sup> trở lên; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng. Trong đó có 5 trường hợp hỏa táng chiếm 19,2%.

+ Năm 2018: Số người chết là 24 người, hình thức tang là hung tang và hỏa táng tại nghĩa địa các thôn, diện tích các mộ trung bình từ 2,5m<sup>2</sup> trở lên; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng. Trong đó có 3 trường hợp hỏa táng chiếm 12,5%.

+ Năm 2019: Số người chết là 22 người, hình thức tang là hung tang và hỏa táng tại nghĩa địa các thôn, diện tích các mộ trung bình từ 2,5m<sup>2</sup> trở lên; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng. Trong đó có 8 trường hợp hỏa táng chiếm 45,45%.

+ Năm 2020: Số người chết là 26 người, hình thức tang là hung tang và hỏa táng tại nghĩa địa các thôn, diện tích các mộ trung bình từ 2,5m<sup>2</sup> trở lên; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng. Trong đó có 14 trường hợp hỏa táng chiếm 53,84%.

+ Năm 2021: Số người chết là 35 người; hình thức táng là hung táng tại nghĩa địa các thôn, diện tích các mộ trung bình từ 2,5m<sup>2</sup> trở lên; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng. Trong đó có 14 trường hợp hỏa táng chiếm 40%.

+ Tính đến hết tháng 4 năm 2023: Số người chết là 5 người; hình thức táng là hung tang và hỏa táng tại nghĩa địa các thôn, diện tích các mộ trung bình là 2,5 m<sup>2</sup> trở lên; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng. Trong đó có 1 trường hợp hỏa táng chiếm 20%.

- Chỉ tiêu 17.11

Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn

$$T \text{ cây xanh} = \frac{\text{Diện tích đất cây xanh}}{\text{Quy mô dân số trên địa bàn xã}} = \frac{18.540}{4.446} = 4,17 \text{ (m}^2\text{/người)}$$

+ Sự phân bố dân cư trên địa bàn xã khá đồng đều, được phân bố tại các thôn. Trong số các địa điểm có cây xanh như khu vực các nhà văn hóa các thôn; khu vui chơi của thôn, trung tâm văn hóa thể thao của xã, các khuôn viên của 3 nhà trường, trạm y tế dùng để cho nhân dân, học sinh hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các dải cây ven đường các trục đường chính liên xã, liên thôn dùng để tạo bóng mát cho nhân dân đi lại, cây xanh còn điều hòa không khí, tạo cho môi trường được trong lành hơn.

+ Đánh giá chung, khả năng tiếp cận cây xanh của người dân trên địa bàn xã đã đảm bảo nhu cầu. Đa số người dân đã lựa chọn nhà văn hóa và dải cây ven đường để tiếp cận, đi bộ, thể thao; thời gian nhân dân dành cho hoạt động tại các điểm nhà văn hóa, khu vui chơi, đi bộ tập luyện thể dục thể thao đã được quan tâm và dành nhiều hơn, làm tăng khả năng tiếp cận với cây xanh, thông qua đó cải thiện sức khỏe và chất lượng cuộc sống.

- Chỉ tiêu 17.12: Khối lượng chất thải nhựa phát sinh (kg/năm) của các hộ gia đình là 2.575 kg, Khối lượng chất thải nhựa phát được thu gom tái chế sử dụng: 1.942kg, tỷ lệ đã được thu gom  $1.942/2.575\text{kg}$ , đạt 75,4%.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### 4.18. Tiêu chí 18 về Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu của tiêu chí:

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung:  $\geq 55\%$ .

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm  $\geq 60$  lít.

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững:  $\geq 30\%$

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm: 100%.

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã (Không).

18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: 100%.

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch  $\geq 95\%$ .

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường: 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 18.1. Năm 2017, xã Đông Phú đã đầu tư hệ thống đường ống cấp nước sạch và ký kết thỏa thuận với Chi nhánh cấp nước sạch Quảng Xương- Công ty cổ phần nước sạch Thanh Hóa, cấp nước cho 4 thôn trên địa bàn xã.

Năm 2023, xã đã thực hiện điều tra, đánh giá tất cả các hộ dân sử dụng nguồn nước sạch đạt quy chuẩn và sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn xã.

Chất lượng nước của công ty đáp ứng ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá ban hành theo QĐ số 16/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021.

Số hộ dân đầu nối sử dụng nước sạch từ nhà máy là 1.299/1.299 hộ, đạt 100%; Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch toàn xã đạt: 1.299/1.299 hộ, đạt 100%; Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước HVS toàn xã đạt: 1.299/1.299 hộ, đạt 100%; Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước sạch: 6/6 hộ, đạt 100%; Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước HVS: 6/6 hộ, đạt 100%.

- Chỉ tiêu 18.2. Cấp nước sinh hoạt bình quân đầu người/ngày đêm (lít/người/ngày đêm): 69,3 lít.

- Chỉ tiêu 18.3. Công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững, được thực hiện cấp nước thường xuyên, tỷ lệ công suất khai thác thực tế so với công suất thiết kế luôn đảm bảo năm sau cao hơn năm trước, có các cán bộ quản lý, vận hành đảm bảo chuyên môn, năng lực quản lý phù hợp quy mô, yêu cầu kỹ thuật của công trình, đảm bảo hoạt động bền vững. Đánh giá mức độ hoạt động bền vững của công trình dựa vào các tiêu chí đánh giá của Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn đạt 95 điểm.

- Chỉ tiêu 18.4. UBND xã đã thực hiện rà soát, thống kê 45 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn, trong đó: ngành Nông nghiệp 35 cơ sở, ngành Y tế 4 cơ sở, ngành Công thương 6 cơ sở. Hàng năm UBND xã, phối hợp với Văn phòng Điều phối về Vệ sinh ATTP huyện xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống trên địa bàn, có 45/45 cơ sở tham gia tập huấn, đạt 100%.

- Chỉ tiêu 18.5. Công tác triển khai các nhiệm vụ phòng chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn xã được triển khai thường xuyên, có hiệu quả, từ năm 2021 đến nay trên địa bàn xã không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào.

- Chỉ tiêu 18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm. Qua rà soát, thống kê, trên địa bàn xã Đông Phú có 01 cơ sở sản xuất, kinh doanh Nem, giò chả; cơ sở được UBND huyện thẩm định điều kiện và cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, đạt 100%.

- Chỉ tiêu 18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch:

Đảng ủy, HĐND xã đã ra nghị quyết về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trong địa phương đặc biệt chú trọng công tác phòng bệnh, chất lượng môi trường sống trong xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu BCĐCSSKND, UBND xã đã lập kế hoạch với mục tiêu 100 % số hộ y tế

được sử dụng nước sạch, nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh và tiến hành tổ chức thực hiện xây dựng 3 công trình vệ sinh, kết quả: tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh là 1.299/1.299 hộ, đạt 100%, Tỷ lệ hộ có nhà tắm hợp vệ sinh là 1.299/1.299 hộ, đạt 100%, Tỷ lệ hộ có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 1.299/1.299 hộ, đạt 100%.

- Chỉ tiêu 18.8. Trên địa bàn xã Đông Phú không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

#### **4.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

*19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân (Đạt).*

*19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả (Đạt).*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 19.1: Hàng năm ban chỉ huy quân sự xã luôn được kiện toàn đủ 4 chức danh gồm (Chỉ huy trưởng; Phó chỉ huy trưởng đã được đào tạo qua trường trung cấp quân sự; chính trị viên và chính trị viên phó là bí thư Đảng ủy và bí thư đoàn thanh niên chức danh kiêm nhiệm theo Luật dân quân quy định).

Cán bộ Dân quân tự vệ gồm: 8 đ/c Được biên chế, bổ nhiệm theo đúng quy định, cụ thể 01 Trung đội trưởng DQCĐ; 03 Tiểu đội trưởng DQCĐ; 04 Thôn đội trưởng kiêm Tô trưởng tổ dân quân tại chỗ; thực hiện nghiêm túc chế độ đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ dân quân. Số công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ DQTV toàn xã là 1.833 đ/c (nam 1.032 đồng chí, nữ 801 đồng chí).

Lực lượng Dân quân của xã 50 đ/c/4.446 nhân khẩu 1,12% so với dân số toàn xã (không tính Ban CHQS xã). Trong đó: Dân quân cơ động: 28 đ/c; DQCĐ 02 đ/c; Dân quân tại chỗ: 04 tổ 12 đ/c; Dân quân bình chủng 02 tổ có 06 đ/c (01 tổ Công binh, 01 tổ Trinh sát).

Tỷ lệ Đảng viên trong lực lượng Dân quân: 20/50 đạt 40%; đoàn viên: 22/50 đạt 44%; Quân nhân xuất ngũ 12/50 đạt 24%; Tỷ lệ Đảng viên trong lực lượng dân quân cơ động 10/28 đạt 36%; đoàn viên 10/28 đạt 43%, xuất ngũ: 6/28 đạt 21%.

Chỉ huy trưởng, Ban CHQS xã qua đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở. Số cán bộ sau đào tạo được bố trí sử dụng đúng chuyên

môn, nghiệp vụ; 100% cán bộ, chiến sỹ lực lượng dân quân có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có đủ năng lực trình độ chuyên môn, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, khi có tình huống xảy ra huy động lực lượng theo biên chế đảm bảo quân số theo qui định của cấp trên.

Hàng năm lực lượng Dân quân được huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị theo đúng nội dung chương trình, thời gian qui định (dân quân năm thứ nhất 15 ngày, DQ Bình chủng 12 ngày, do huyện huấn luyện; Dân quân cơ động 12 ngày, dân quân tại chỗ 7 ngày do xã huấn luyện). Kết quả kiểm tra kết thúc huấn luyện: 100 % Đạt trong đó có 76 – 80% khá giỏi. Năm 2020 quân số huấn luyện 48/50 đạt 96%; kết quả 38/50 đạt 76% khá, giỏi; năm 2021 quân số huấn luyện 49/50 đạt 98%; kết quả 39/50 đạt 78% khá, giỏi. Năm 2022 quân số huấn luyện 49/50 đạt 98%; kết quả 40/50 đạt 80% khá, giỏi.

+ Hàng năm, Ban chỉ huy quân sự xã kiện toàn đủ 4 chức danh gồm (Chỉ huy trưởng; Phó chỉ huy trưởng đã được đào tạo qua trường trung cấp quân sự; chính trị viên và chính trị viên phó là Bí thư Đảng uỷ và bí thư đoàn thanh niên chức danh kiêm nhiệm theo Luật dân quân quy định).

+ Lực lượng dân quân hàng năm được tổ chức đăng ký, quản lý biên chế đúng theo quy định Luật dân quân tự vệ và các văn bản hướng dẫn của cấp trên, bảo đảm quân số, chất lượng tỷ lệ đảng viên trong lực lượng đạt 40%; xã 01 trung đội dân quân cơ động gồm 28 đồng chí, trong đó 1 đồng chí trung đội trưởng và 03 tiểu đội mỗi tiểu đội 9 đồng chí, cấp thôn 4 thôn có 4 tổ, quân số 3 đồng chí/tổ, tổng 12 đồng chí; Lực lượng dân quân bình chủng bảo đảm chiến đấu theo qui định, sẵn sàng nhận, hoàn thành nhiệm vụ khi được giao.

+ Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, được xác định là nhiệm vụ trọng tâm do vậy Ban chỉ huy quân sự đã làm tốt công tác tham mưu cho cấp uỷ, Chính quyền, tổ chức đăng ký, quản lý độ tuổi 17, độ tuổi NVQS, thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, hàng năm luôn hoàn thành chỉ tiêu giao quân được tỉnh và huyện khen thưởng, đăng ký quản lý quân dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật phục vụ cho quân đội.

+ Xây dựng đầy đủ hệ thống Kế hoạch theo Thông tư 43/2020/TT-BQP, hồ sơ theo hướng dẫn công văn 1686/BCH - CT ngày 8/4/2022 của Bộ CHQS Tỉnh Thanh Hóa về nâng cao chất lượng thẩm định đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023; Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Ban CHQS xã với Công an xã và các ban ngành đoàn thể ở địa phương, thực hiện tốt chính sách xã hội, chính sách hậu phương quân đội.

#### - Chỉ tiêu 19.2.

Tình hình an ninh nông thôn luôn được giữ vững, không có khiếu kiện đông người, vượt cấp trái pháp luật. Tội phạm và tai tệ nạn xã hội được kiềm chế, năm sau so với năm trước. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của pháp luật; không có các tụ điểm phức tạp về hình sự, kinh tế, ma tuý, môi trường. Phân loại cơ quan, nhà trường, khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT theo Thông tư 23/2022/TT-BCA và Chỉ thị số 10, Đề án 375, kết quả:



Năm 2020: 04/04 thôn đạt chuẩn về ANTT; năm 2021: 04/04 thôn đạt chuẩn về ANTT; năm 2022: 04/04 thôn đạt chuẩn về ANTT.

Ban chỉ đạo ANTT xã gồm 13 đ/c (Do Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban); Công an xã gồm 05 đ/c (01 trưởng, 01 phó và 03 đ/c Công an viên); Lực lượng tổ ANTT ở cơ sở có 4 tổ với 8 đ/c; Lực lượng tổ ANXH có 58 tổ; Phân loại danh hiệu thi đua: Năm 2020: Đạt danh hiệu Đơn vị quyết thắng; Năm 2021, 2022: Đạt danh hiệu Đơn vị tiên tiến.

Lực lượng công an xã được củng cố, trong sạch, vững mạnh, đảm bảo 100% lực lượng hoàn thành nhiệm vụ, không có vi phạm.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao. Xã Đông Phú không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM nâng cao.

6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

Tập trung duy trì, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, phấn đấu hoàn thành xã NTM kiểu mẫu vào năm 2024.

## **II. KẾT LUẬN**

1. Về hồ sơ:

Nội dung, thành phần hồ sơ đã được xã Đông Phú thực hiện đảm bảo đầy đủ đúng theo quy định tại Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025 và Quyết định số 18/QĐ-TTg, ngày 02/8/2022 về Ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025.

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Đông Phú đã được UBND huyện Đông Sơn thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Xã Đông Phú không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM nâng cao.

## **III. KIẾN NGHỊ**

UBND huyện Đông Sơn đề nghị Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Hội đồng thẩm định xã đạt chuẩn NTM nâng cao tỉnh Thanh Hóa tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận xã Đông Phú đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2023./.

***Nơi nhận:***

- Hội đồng TĐ NTM tỉnh (Báo cáo);
- VPĐP NTM tỉnh Thanh Hóa (Báo cáo);
- BCĐ các chương trình AMTQGG huyện (đề chỉ đạo);
- Các thành viên BCĐ huyện;
- UB MTQT huyện;
- BCĐ NTM xã Đông Phú.
- Lưu, VT; VTĐP.

**TM.UBND HUYỆN ĐÔNG SƠN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thế Sơn**

**BIỂU TỔNG HỢP**  
**KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN**  
**CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2023 XÃ ĐÔNG PHÚ HUYỆN ĐÔNG SƠN**  
*(Kèm theo Báo cáo số 144/BC-UBND ngày 09/6/2023 của UBND Huyện Đông Sơn )*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	- Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 (bao gồm cả huyện Đông Sơn) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định 259/QĐ-TTg ngày 17/3/2023 và công bố quy hoạch. Vì vậy xã Đông Phú, đã thực hiện rà soát các nội dung Quy hoạch nông thôn (QHC) xã, nhằm đảm bảo sự phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 11/02/2019. - Đạt	- Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 (bao gồm cả huyện Đông Sơn) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định 259/QĐ-TTg ngày 17/3/2023 và công bố quy hoạch. Vì vậy xã Đông Phú, đã thực hiện rà soát các nội dung Quy hoạch nông thôn (QHC) xã, nhằm đảm bảo sự phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 11/02/2019. - Đạt
		1.2. Có Quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn; tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	- Xã có quy chế quản lý quy hoạch được UBND huyện phê duyệt và chức thực hiện quản lý theo quy hoạch đã được phê duyệt. - Đạt	- Xã có quy chế quản lý quy hoạch được UBND huyện phê duyệt và chức thực hiện quản lý theo quy hoạch đã được phê duyệt. - Đạt
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm	Đạt	- Xã Đông Phú có quy hoạch chi tiết khu dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định	- Xã Đông Phú có quy hoạch chi tiết khu dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định

		dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên		hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên được UBND huyện Đông Sơn phê duyệt, tại các Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 16/5/2017; số 838/QĐ-UBND ngày 30/3/2018; số 188/QĐ-UBND ngày 21/5/2018; số 1390/QĐ-UBND ngày 16/5/2019; số 4919/QĐ-UBND ngày 09/12/2019; số 2248/QĐ-UBND ngày 20/7/2021; số 9531/QĐ-UBND ngày 19/12/2021 của UBND huyện Đông Sơn. - Đạt	hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên được UBND huyện Đông Sơn phê duyệt, tại các Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 16/5/2017; số 838/QĐ-UBND ngày 30/3/2018; số 188/QĐ-UBND ngày 21/5/2018; số 1390/QĐ-UBND ngày 16/5/2019; số 4919/QĐ-UBND ngày 09/12/2019; số 2248/QĐ-UBND ngày 20/7/2021; số 9531/QĐ-UBND ngày 19/12/2021 của UBND huyện Đông Sơn. - Đạt
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.	100% được bảo trì hàng năm, được bê tông hoá hoặc nhựa hoá, có chiều rộng mặt đường $\geq 4,5m$ , chiều rộng nền đường $\geq 6,5m$ (trong đó: $\geq 60\%$ đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định).	- 5,5km/5,5km đạt 100% mặt đường được nhựa hoá, chiều rộng $B_m \geq 4,5m$ , chiều rộng nền đường $B_n \geq 6,5m$ ; tỷ lệ $\geq 60$ các hạng mục theo quy định (rãnh thoát nước, điện chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) - Các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt tỷ lệ $\geq 69,1\%$ (3,8km/5,5km). - Đạt	- 5,5km/5,5km đạt 100% mặt đường được nhựa hoá, chiều rộng $B_m \geq 4,5m$ , chiều rộng nền đường $B_n \geq 6,5m$ ; tỷ lệ $\geq 60$ các hạng mục theo quy định (rãnh thoát nước, điện chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) - Các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt tỷ lệ $\geq 69,1\%$ (3,8km/5,5km) - Đạt
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản được cứng hóa và bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm	100% được cứng hóa và bảo trì hàng năm (trong đó: $\geq 80\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$ ,	- 100% được cứng hóa; tỷ lệ mặt đường được bê tông hoá chiều rộng $B_m \geq 3,0m$ , chiều rộng nền đường $B_n \geq 4,0m$ là 1,61km/1,61km đạt 100%; - Các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây	- 100% được cứng hóa; tỷ lệ mặt đường được bê tông hoá chiều rộng $B_m \geq 3,0m$ , chiều rộng nền đường $B_n \geq 4,0m$ là 1,61km/1,61km đạt 100%; - Các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây

		tốc, cây xanh...) theo quy định.	chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$ và $\geq 50\%$ đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định	xanh... đảm bảo sáng xanh sạch đẹp đạt tỷ lệ 68,9% (1,11km/1,61km). - Đạt	xanh...) đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt tỷ lệ 68,9% (1,11km/1,61km). - Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	$\geq 90\%$ (trong đó: $\geq 80\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$ , chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$ )	- Gồm 85 tuyến, tổng chiều dài là 12,7km, đã cứng hoá là 12,7 km, đạt 100% đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp. tỷ lệ đường bê tông hoá (Bm $\geq 3\text{m}$ , chiều rộng nền đường Bn $\geq 4\text{m}$ ).12,7/12,7 km đạt 100%. - Đạt	- Gồm 85 tuyến, tổng chiều dài là 12,7km, đã cứng hoá là 12,7 km, đạt 100% đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp. tỷ lệ đường bê tông hoá (Bm $\geq 3\text{m}$ , chiều rộng nền đường Bn $\geq 4\text{m}$ ).12,7/12,7 km đạt 100%. - Đạt
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	100% (trong đó: $\geq 70\%$ bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$ , chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$ )	- 6,6km/6,6km đạt 100% cứng hoá; - tỷ lệ bê tông hóa mặt đường có chiều rộng Bm $\geq 3,0\text{m}$ , chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$ là 5,6km/6,6km đạt 84,8%. - Đạt	- 6,6km/6,6km đạt 100% cứng hoá; - tỷ lệ bê tông hóa mặt đường có chiều rộng Bm $\geq 3,0\text{m}$ , chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$ là 5,6km/6,6km đạt 84,8%. - Đạt
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 90\%$	- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động: $T_{\text{tưới}} = (662,56/662,56) \times 100\% = 100\%$ . - Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động: $T_{\text{tiêu}} = (520,32/520,32) \times 100\% = 100\%$ , trong đó: - Diện tích đất nuôi trồng thủy sản thực tế được cấp chủ động 6,18/6,18ha, đạt 100%. - Đạt	- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động: $T_{\text{tưới}} = (662,56/662,56) \times 100\% = 100\%$ theo kế hoạch là 662,56ha. - Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động: $T_{\text{tiêu}} = (520,32/520,32) \times 100\% = 100\%$ , + - Diện tích đất nuôi trồng thủy sản thực tế được cấp chủ động 6,18/6,18ha, đạt 100%. - Đạt

	3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	- 1 HTX DVNN có hoạt động tưới tiêu hiệu quả, bền vững - Tổng điểm đánh giá: 80/100 điểm - Đạt	- 1 HTX DVNN có hoạt động tưới tiêu hiệu quả, bền vững - Tổng điểm đánh giá: 80/100 điểm - Đạt	
	3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	≥20%	- Cây trồng chủ lực trên địa bàn xã Đông Phú là cây lúa, áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến SRI, 3 giảm 3 tăng, Nông - Lộ - Phoi đạt tỷ lệ 100%. - Đạt	- Cây trồng chủ lực trên địa bàn xã Đông Phú là cây lúa, áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến SRI, 3 giảm 3 tăng, Nông - Lộ - Phoi đạt tỷ lệ 100%. - Đạt	
	3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	- Xã Đông Phú đã lập kế hoạch bảo trì các công trình thủy lợi nội đồng trong đó đã thể hiện một số công việc chính như: Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ các hạng mục công trình thủy lợi, có dự kiến về thời gian, kinh phí, hình thức tổ chức thực hiện; đã tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì đảm bảo đạt 100% so với kế hoạch - Đạt	- Xã Đông Phú đã lập kế hoạch bảo trì các công trình thủy lợi nội đồng trong đó đã thể hiện một số công việc chính như: Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ các hạng mục công trình thủy lợi, có dự kiến về thời gian, kinh phí, hình thức tổ chức thực hiện; đã tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì đảm bảo đạt 100% so với kế hoạch - Đạt	
	3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	- 4/4thôn, có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt và sản xuất được xử lý và thải ra hệ thống theo mương gom về kênh tiêu trực chính của xã đảm bảo quy định - Đạt	- 4/4thôn, có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt và sản xuất được xử lý và thải ra hệ thống theo mương gom về kênh tiêu trực chính của xã đảm bảo quy định - Đạt	
	3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	- Là xã không có đê; - Đảm bảo yêu cầu về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ - Kết quả đánh giá: 87 điểm (Tốt) - Đạt	- Là xã không có đê; - Đảm bảo yêu cầu về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ - Kết quả đánh giá: 87 điểm (Tốt) - Đạt	
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	>99%	- Tổng số hộ: 1.299hộ; - Số hộ đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định: 1.299/1.299 hộ, đạt	- Tổng số hộ: 1.299hộ; - Số hộ đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định: 1.299/1.299 hộ, đạt

				100% - Đạt	100% - Đạt
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	+ Trường Mầm non đạt trường Chuẩn Quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá. - Trường TH&THCS đạt trường Chuẩn Quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá. - Đạt 100% - Đạt	+ Trường Mầm non đạt trường Chuẩn Quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá. - Trường TH&THCS đạt trường Chuẩn Quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá. - Đạt 100% - Đạt
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	- Xã Đông Phú được Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi theo Quyết định số 3940/QĐUBND ngày 31/10/2022. - Đạt	- Xã Đông Phú được Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi theo Quyết định số 3940/QĐUBND ngày 31/10/2022. - Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	- Xã Đông Phú được Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS Mức độ 3 theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 - Đạt chuẩn mức độ 3 - Đạt	- Xã Đông Phú được Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS Mức độ 3 theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 - Đạt chuẩn mức độ 3 - Đạt
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	- Xã Đông Phú được Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ Mức độ 2 theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 - Đạt chuẩn mức độ 2 - Đạt	- Xã Đông Phú được Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ Mức độ 2 theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 - Đạt chuẩn mức độ 2 - Đạt

		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	<p>- Cộng đồng học tập xã xếp loại tốt tại Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn</p> <p>- Đạt</p>	<p>- Cộng đồng học tập xã xếp loại tốt tại Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn</p> <p>- Đạt</p>
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	<p>- Năm học 2022-2023, UBND xã đã xây dựng và ban hành kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 02/9/2022 về thực hiện nhiệm vụ giáo dục giáo dục thể chất và hoạt động thể thao xã Đông Phú. Các Nhà trường trên địa bàn căn cứ kế hoạch của xã xây dựng kế hoạch giáo dục thể chất, cho học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế, lứa tuổi của học sinh: Dạy bơi trong dịp hè hàng năm; nhảy dân vũ tập thể; võ thuật truyền thống....; chỉ đạo các nhà trường thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ thể dục thể thao rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.</p> <p>- Trường TH&amp;THCS ban hành Kế hoạch số 21/KH-TH&amp;THCS ngày 10/9/2022 về kế hoạch giáo dục thể chất năm học 2022-2023, mô hình CLB Aerobic trường TH&amp;THCS Đông Phú, kèm theo Quy chế, Điều lệ hoạt động, danh sách các thành viên kiêm nhiệm.</p> <p>- Đạt</p>	<p>- Năm học 2022-2023, UBND xã đã xây dựng và ban hành kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 02/9/2022 về thực hiện nhiệm vụ giáo dục giáo dục thể chất và hoạt động thể thao xã Đông Phú. Các Nhà trường trên địa bàn căn cứ kế hoạch của xã xây dựng kế hoạch giáo dục thể chất, cho học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế, lứa tuổi của học sinh: Dạy bơi trong dịp hè hàng năm; nhảy dân vũ tập thể; võ thuật truyền thống....; chỉ đạo các nhà trường thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ thể dục thể thao rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.</p> <p>- Trường TH&amp;THCS ban hành Kế hoạch số 21/KH-TH&amp;THCS ngày 10/9/2022 về kế hoạch giáo dục thể chất năm học 2022-2023, mô hình CLB Aerobic trường TH&amp;THCS Đông Phú, kèm theo Quy chế, Điều lệ hoạt động, danh sách các thành viên kiêm nhiệm.</p> <p>- Đạt</p>
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ	- Có 70% các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục	<p>- Trung tâm văn hoá- thể thao xã: Hội trường đa năng có diện tích sử dụng 500m<sup>2</sup>, quy mô 250 chỗ ngồi, diện tích sân khấu 50m<sup>2</sup>; Khu thể thao xã với diện tích</p>	<p>- Trung tâm văn hoá- thể thao xã: Hội trường đa năng có diện tích sử dụng 500m<sup>2</sup>, quy mô 250 chỗ ngồi, diện tích sân khấu 50m<sup>2</sup>; Khu thể thao xã với diện tích</p>



	<p>chức hoạt động thường xuyên</p>	<p>thể thao ngoài trời. - Có các mô hình hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thôn, bản và tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao đảm bảo thu hút tối thiểu 40% người dân tham gia thường xuyên. - Triển khai thực hiện các hoạt động thư viện.</p>	<p>2.000m<sup>2</sup>; Sân vận động xã có diện tích 10.890m<sup>2</sup>. Tất cả các hạng mục này cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo tổ chức các Hội nghị, sự kiện, chương trình văn hoá nghệ thuật, hội diễn văn nghệ và các hoạt động cộng đồng...với quy mô cấp xã. - Có 4/4 thôn lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời gồm: Xà đơn, xà kép, bập bênh, xích đu, xe đạp thể lực, bóng chuyền da, bóng chuyền hơi đạt 100%. - Triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện 8 CLB trong đó có 04 CLB VHVH-TDĐT; 04 CLB dân vũ. Số gia đình thể thao 662/1.299 hộ chiếm 51%, số người thường xuyên tham gia luyện tập 2.134/4.446 (chiếm 48% dân số). - Triển khai thực hiện các hoạt động thư viện. Có 100 % số thôn trên địa bàn có tủ sách tối thiểu mỗi thôn có trên 50 đầu sách - Đạt.</p>	<p>2.000m<sup>2</sup>; Sân vận động xã có diện tích 10.890m<sup>2</sup>. Tất cả các hạng mục này cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo tổ chức các Hội nghị, sự kiện, chương trình văn hoá nghệ thuật, hội diễn văn nghệ và các hoạt động cộng đồng...với quy mô cấp xã. - Có 4/4 thôn lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời gồm: Xà đơn, xà kép, bập bênh, xích đu, xe đạp thể lực, bóng chuyền da, bóng chuyền hơi đạt 100%. - Triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện 8 CLB trong đó có 04 CLB VHVH-TDĐT; 04 CLB dân vũ. Số gia đình thể thao 662/1.299 hộ chiếm 51%, số người thường xuyên tham gia luyện tập 2.134/4.446 (chiếm 48% dân số). - Triển khai thực hiện các hoạt động thư viện. Có 100 % số thôn trên địa bàn có tủ sách tối thiểu mỗi thôn có trên 50 đầu sách - Đạt.</p>
	<p>6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định</p>	<p>Đạt</p>	<p>- Tổng số di sản văn hoá; xã Đông Phú không có di tích xếp hạng. - Đạt</p>	<p>- Tổng số di sản văn hoá; xã Đông Phú không có di tích xếp hạng. - Đạt</p>
	<p>6.3. Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới</p>	<p>≥75% đạt tiêu chuẩn văn hóa trong 3 năm liên tục (≥78% trong năm xét, công nhận hoặc năm liền kề).</p>	<p>- Về danh hiệu khu dân cư văn hóa: Từ năm 2020 – 2022, 04/04 thôn được công nhận danh hiệu khu dân cư văn hóa đạt tỷ lệ 100%. - Về danh hiệu "Gia đình văn hóa" và khen thưởng danh hiệu gia đình văn hóa: Từ năm 2020 – 2022 số hộ đạt gia đình</p>	<p>- Về danh hiệu khu dân cư văn hóa: Từ năm 2020 – 2022, 04/04 thôn được công nhận danh hiệu khu dân cư văn hóa đạt tỷ lệ 100%. - Về danh hiệu "Gia đình văn hóa" và khen thưởng danh hiệu gia đình văn hóa: Từ năm 2020 – 2022 số hộ đạt gia đình văn hóa đạt</p>

			≥50% đạt chuẩn nông thôn mới.	văn hóa đạt trên 83,8%. - Đạt	trên 83,8%. - Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt (Nếu xã không có chợ đang hoạt động thì có cửa hàng, siêu thị, cửa hàng tiện lợi đạt an toàn thực phẩm theo quy định)	- Trên địa bàn xã có 01 chợ hạng 3 do UBND xã quản lý. - Chợ có ban quản lý chợ và hoạt động theo quy chế đã được phê duyệt - Chợ Đông Phú đã đạt Chợ kinh doanh thực phẩm phù hợp tiêu chuẩn được cấp giấy chứng nhận số 2654.21/QĐCN-IQC-HCC ngày 06/10/2021 do công ty cổ phần chứng nhận giám định IQC cấp. Chợ họp 01lần/ngày. - Đạt	- Trên địa bàn xã có 01 chợ hạng 3 do UBND xã quản lý. - Chợ có ban quản lý chợ và hoạt động theo quy chế đã được phê duyệt - Chợ kinh doanh thực phẩm phù hợp tiêu chuẩn được cấp giấy chứng nhận số 2654.21/QĐCN-IQC-HCC ngày 06/10/2021 do công ty cổ phần chứng nhận giám định IQC cấp. Chợ họp 01lần/ngày. - Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	- Số điểm phục vụ bưu chính: 01 Điểm; - Số điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: 01 Điểm. - Đạt	- Số điểm phục vụ bưu chính: 01 Điểm; - Số điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: 01 Điểm. - Đạt
		8.2. Có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tối thiểu 50% đối với xã đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; tối thiểu 80% đối với các xã còn lại.	Đạt	- Trên địa bàn xã có 2311/2679 người dân trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tỷ lệ 86,26%. - Đạt	- Trên địa bàn xã có 2311/2679 người dân trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tỷ lệ 86,26%. - Đạt
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	- 100% thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; 100% số thôn trong xã có hộ gia đình xem được 01 trong các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet; Xã có 01 điểm cung cấp xuất bản phẩm cung cấp xuất bản phẩm cung cấp các loại sách giáo khoa, báo, các ấn phẩm, tạp chí phục vụ nhu cầu của học sinh và người dân	100% thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; 100% số thôn trong xã có hộ gia đình xem được 01 trong các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet; Xã có 01 điểm cung cấp xuất bản phẩm cung cấp xuất bản phẩm cung cấp các loại sách giáo khoa, báo, các ấn phẩm, tạp chí phục vụ nhu cầu của học sinh và người dân

				trong thôn - Đạt	trong thôn - Đạt	
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Đạt	- 17/17 cán bộ, công chức của xã đã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin; Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt 81%; Xã có 01/01 sản phẩm OCOP giò lụa Đức Thảo (đạt 100%) được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử Postmart.vn - Đạt	- 17/17 cán bộ, công chức của xã đã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin; Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt 81%; Xã có 01/01 sản phẩm OCOP giò lụa Đức Thảo (đạt 100%) được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử Postmart.vn - Đạt	
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt	- Tại trụ Sở UBND xã và Hội trường UBND xã đã được lắp đặt các wifi phục vụ nhu cầu sử dụng của cán bộ, công chức xã và người dân đến làm việc tại xã; 4/4 thôn, trạm y tế, bưu điện, các trường học, ... đã lắp đặt wifi miễn phí tạo điều kiện thuận lợi cho người dân truy cập Internet, và các dịch vụ công - Đạt	- Tại trụ Sở UBND xã và Hội trường UBND xã đã được lắp đặt các wifi phục vụ nhu cầu sử dụng của cán bộ, công chức xã và người dân đến làm việc tại xã; 4/4 thôn, trạm y tế, bưu điện, các trường học, ... đã lắp đặt wifi miễn phí tạo điều kiện thuận lợi cho người dân truy cập Internet, và các dịch vụ công - Đạt	
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥90%	+ Số hộ có nhà ở bán kiên cố, nhà ở dân cư chưa đạt chuẩn: 77/1.299 hộ, chiếm tỷ lệ 5,93%; + Số hộ có nhà ở kiên cố (nhà ở nông thôn đạt chuẩn): 1.222/1.299 hộ, chiếm tỷ lệ 94,07% - Đạt	+ Số hộ có nhà ở bán kiên cố, nhà ở dân cư chưa đạt chuẩn: 77/1.299 hộ, chiếm tỷ lệ 5,93%; + Số hộ có nhà ở kiên cố (nhà ở nông thôn đạt chuẩn): 1.222/1.299 hộ, chiếm tỷ lệ 94,07% - Đạt	
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2022	≥54	- Đạt	- Đạt
			Năm 2023	≥58	- Thu nhập bình quân đạt 58,1 Triệu đồng - Đạt	- Thu nhập bình quân đạt 58,1 Triệu đồng - Đạt

11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	Đạt	- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 0,15% - Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều 0,08% - Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều: $0,15+0,08=0,23\%$ - Đạt	- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 0,15% - Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều 0,08% - Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều: $0,15+0,08=0,23\%$ - Đạt
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 80\%$	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo của xã 2.199/2.679 đạt 82,08% - Đạt	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo của xã 2.199/2.679 đạt 82,08% - Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 30\%$	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ của xã 965/2.679 đạt 36,02% - Đạt	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ của xã 965/2.679 đạt 36,02% - Đạt
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	Nông, lâm, ngư nghiệp <30% hoặc Công nghiệp - Xây dựng >40% hoặc Dịch vụ >30%	- Ngành kinh tế chủ lực của xã Đông Phú là ngành Công nghiệp - Xây dựng (đã được Công nhận tại Công văn số 667/UBND-LĐTBXH ngày 07/4/2023 của UBND huyện Đông Sơn). - Tỷ lệ lao động làm việc trong ngành Công nghiệp - Xây dựng của xã là 1.301/2.679 đạt 48,56% - Đạt	- Ngành kinh tế chủ lực của xã Đông Phú là ngành Công nghiệp - Xây dựng (đã được Công nhận tại Công văn số 667/UBND-LĐTBXH ngày 07/4/2023 của UBND huyện Đông Sơn). - Tỷ lệ lao động làm việc trong ngành Công nghiệp - Xây dựng của xã là 1.301/2.679 đạt 48,56% - Đạt
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	$\geq 1$	- Tổng số hợp tác xã: 01 HTX DVNN; - Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định, với Công ty Cổ phần thương mại Sao Khuê; tổng sản lượng lúa được bao tiêu trung bình hàng năm chiếm 1.200/3.894 tấn đạt 30,82%. - Đạt	- Tổng số hợp tác xã: 01 HTX DVNN; - Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định, với Công ty Cổ phần thương mại Sao Khuê; tổng sản lượng lúa được bao tiêu trung bình hàng năm chiếm 1.200/3.894 tấn đạt 30,82%. - Đạt

13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm OCOP: 01 sản phẩm;</li> <li>- Sản phẩm giò lụa Đức Thảo được công nhận sản phẩm OCOP chứng nhận 3 sao tại Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 UBND huyện Đông Sơn</li> <li>- Đạt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm OCOP: 01 sản phẩm;</li> <li>- Sản phẩm giò lụa Đức Thảo được công nhận sản phẩm OCOP chứng nhận 3 sao tại Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 UBND huyện Đông Sơn</li> <li>- Đạt</li> </ul>
13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 mô hình cơ giới hoá đồng bộ</li> <li>- Thực hiện cơ giới hóa đồng bộ các khâu trong sản xuất lúa (làm đất, gieo trồng, tưới, tiêu chủ động, chăm sóc, thu hoạch) với quy mô diện tích 200 ha tại 4/4 thôn.</li> <li>- Tổng điểm cơ giới hoá các khâu: 85 điểm</li> <li>- Đạt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 mô hình cơ giới hoá đồng bộ</li> <li>- Thực hiện cơ giới hóa đồng bộ các khâu trong sản xuất lúa (làm đất, gieo trồng, tưới, tiêu chủ động, chăm sóc, thu hoạch) với quy mô diện tích 200 ha tại 4/4 thôn.</li> <li>- Tổng điểm cơ giới hoá các khâu: 85 điểm</li> <li>- Đạt</li> </ul>
13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	≥1 sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm chủ lực: lúa, gạo</li> <li>- đến nay có 60.000 tem được dán trên bao bì sản phẩm, phục vụ cho công tác truy xuất nguồn gốc</li> <li>- Đạt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm chủ lực: lúa, gạo</li> <li>- đến nay có 60.000 tem được dán trên bao bì sản phẩm, phục vụ cho công tác truy xuất nguồn gốc</li> <li>- Đạt</li> </ul>
13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	≥10%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm chủ lực của xã là lúa gạo được Công ty CPTM Sao Khuê thu mua với sản lượng 1.200 tấn chiếm 30,82% (1.200/3.894 tấn) sản lượng toàn xã. Sản phẩm gạo Sao Khuê được công ty giới thiệu, bán sản phẩm trên trang <a href="http://Saokhue.vn.com">http://Saokhue.vn.com</a> và trang nông sản an toàn <a href="https://www.nongsanantoanthanhhoa.vn">https://www.nongsanantoanthanhhoa.vn</a>.</li> <li>- Đạt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm chủ lực của xã là lúa gạo được Công ty CPTM Sao Khuê thu mua với sản lượng 1.200 tấn chiếm 30,82% (1.200/3.894 tấn) sản lượng toàn xã. Sản phẩm gạo Sao Khuê được công ty giới thiệu, bán sản phẩm trên trang <a href="http://Saokhue.vn.com">http://Saokhue.vn.com</a> và trang nông sản an toàn <a href="https://www.nongsanantoanthanhhoa.vn">https://www.nongsanantoanthanhhoa.vn</a>.</li> <li>- Đạt</li> </ul>

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trên địa bàn xã có diện tích trồng lúa tại vùng sản xuất lúa tập trung</li> <li>- Đối tượng cây trồng: Lúa; - Diện tích: 4,7 ha; Số hộ tham gia: 31 hộ; - Tiêu chuẩn áp dụng: Đủ điều kiện ATTP;</li> <li>- Được cấp mã số vùng trồng tại Giấy xác nhận cấp mã số vùng trồng số 2797/GXN-SNN&amp;PTNT ngày 09/6/2023.</li> <li>- Đạt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trên địa bàn xã có diện tích trồng lúa tại vùng sản xuất lúa tập trung</li> <li>- Đối tượng cây trồng: Lúa; - Diện tích: 4,7 ha; Số hộ tham gia: 31 hộ; - Tiêu chuẩn áp dụng: Đủ điều kiện ATTP.</li> <li>- Được cấp mã số vùng trồng tại Giấy xác nhận cấp mã số vùng trồng số 2797/GXN-SNN&amp;PTNT ngày 09/6/2023.</li> <li>- Đạt</li> </ul>
13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng tải thông tin du lịch, quảng bá thông tin, hình ảnh, vùng đất con người, các giá trị văn hoá, truyền thống, các sản phẩm đặc trưng của xã đến nhân dân trong và ngoài tỉnh trên trang thông tin điện tử của xã, huyện tại địa chỉ <a href="http://dongphu.dongson.thanhhoa.gov.vn">http://dongphu.dongson.thanhhoa.gov.vn</a>; <a href="http://dongson.thanhhoa.gov.vn">http://dongson.thanhhoa.gov.vn</a> và trang fanpage, Zalo...</li> <li>- Đạt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng tải thông tin du lịch, quảng bá thông tin, hình ảnh, vùng đất con người, các giá trị văn hoá, truyền thống, các sản phẩm đặc trưng của xã đến nhân dân trong và ngoài tỉnh trên trang thông tin điện tử của xã, huyện tại địa chỉ <a href="http://dongphu.dongson.thanhhoa.gov.vn">http://dongphu.dongson.thanhhoa.gov.vn</a>; <a href="http://dongson.thanhhoa.gov.vn">http://dongson.thanhhoa.gov.vn</a> và trang fanpage, Zalo...</li> <li>- Đạt</li> </ul>
13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	≥1 mô hình	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 mô hình</li> <li>- Tên mô hình: Giò lụa Thảo Đức;</li> <li>- Địa điểm thực hiện: Thôn Chiếu Thượng, xã Đông Phú, huyện Đông Sơn;</li> <li>- Quy mô thực hiện: diện tích: 150 m<sup>2</sup>, sản lượng: 10.000kg;</li> <li>- Các tiêu chí đạt được: Tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình; công ăn việc làm, nâng cao thu nhập.</li> <li>- Đạt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 mô hình</li> <li>- Tên mô hình: Giò lụa Thảo Đức;</li> <li>- Địa điểm thực hiện: Thôn Chiếu Thượng, xã Đông Phú, huyện Đông Sơn;</li> <li>- Quy mô thực hiện: diện tích: 150 m<sup>2</sup>, sản lượng: 10.000kg;</li> <li>- Các tiêu chí đạt được: Tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình; công ăn việc làm, nâng cao thu nhập.</li> <li>- Đạt</li> </ul>

14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥95%	- 4.086/4.269 người tham gia BHYT, đạt 95,71%. - Đạt	- 4.086/4.269 người tham gia BHYT, đạt 95,71%. - Đạt
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%	- 4.251/4.373 người được quản lý sức khỏe điện tử, đạt 97,21%. - Đạt	- 4.251/4.373 người được quản lý sức khỏe điện tử, đạt 97,21%. - Đạt
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥40%	- 2.397/4.446 người tham gia ứng dụng khám chữa bệnh từ xa, đạt 53,9%. - Đạt	- 2.397/4.446 người tham gia ứng dụng khám chữa bệnh từ xa, đạt 53,9%. - Đạt
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	≥70%	- 4.251/4.373 người đạt 97,21% - Đạt	- 4.251/4.373 người đạt 97,21% - Đạt
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	- Phòng làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND xã Đông Phú được sắp xếp gọn gàng, được trang bị đầy đủ phương tiện máy móc, thiết bị đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan. - 17/17 cán bộ công chức sử dụng thành thạo máy tính trong giải quyết công việc, đạt 100 %; -3.041/3.041 hồ sơ, đạt 100% hồ sơ TTHC thực hiện trên phần mềm một cửa điện tử, không có hồ sơ quá hạn. - Đạt	- Phòng làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND xã Đông Phú được sắp xếp gọn gàng, được trang bị đầy đủ phương tiện máy móc, thiết bị đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan. - 17/17 cán bộ công chức sử dụng thành thạo máy tính trong giải quyết công việc, đạt 100 %; - 3.041/3.041 hồ sơ, đạt 100% hồ sơ TTHC thực hiện trên phần mềm một cửa điện tử, không có hồ sơ quá hạn. - Đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	- Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tỷ lệ hồ sơ luôn đạt chỉ tiêu tinh giao;	- Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tỷ lệ hồ sơ luôn đạt chỉ tiêu tinh giao;

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ trực tuyến mức độ 3: Từ năm 2021 đến hết quý I năm 2023 có 445/458 hồ sơ đạt 97,16%.</li> <li>- Hồ sơ trực tuyến mức độ 4: Từ năm 2021 đến hết quý I năm 2023 có 762/805 hồ sơ đạt 94,65%. Vượt chỉ tiêu tinh giao.</li> <li>- Đạt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ trực tuyến mức độ 3: Từ năm 2021 đến hết quý I năm 2023 có 445/458 hồ sơ đạt 97,16%.</li> <li>- Hồ sơ trực tuyến mức độ 4: Từ năm 2021 đến hết quý I năm 2023 có 762/805 hồ sơ đạt 94,65%. Vượt chỉ tiêu tinh giao.</li> <li>- Đạt</li> </ul>	
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ năm 2019 đến hết quý I năm 2023 xã có 100% thủ tục hành chính được giải quyết đúng hẹn, không có phản ánh kiến nghị về TTHC, không có khiếu nại vượt cấp</li> <li>- Đạt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ năm 2019 đến hết quý I năm 2023 xã có 100% thủ tục hành chính được giải quyết đúng hẹn, không có phản ánh kiến nghị về TTHC, không có khiếu nại vượt cấp</li> <li>- Đạt</li> </ul>
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	$\geq 1$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai 2 mô hình phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận: Mô hình “làng quê an toàn cho phụ nữ và trẻ em” và “tổ hòa giải kiểu mẫu” tại thôn Hoàng Thịnh.</li> <li>- Đạt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai 2 mô hình phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận: Mô hình “làng quê an toàn cho phụ nữ và trẻ em” và “tổ hòa giải kiểu mẫu” tại thôn Hoàng Thịnh.</li> <li>- Đạt</li> </ul>
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có vụ việc nào thuộc phạm vi hòa giải</li> <li>- Đạt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có vụ việc nào thuộc phạm vi hòa giải</li> <li>- Đạt</li> </ul>
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận</li> <li>- Đạt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận</li> <li>- Đạt</li> </ul>
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trên địa bàn xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ, nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về BVMT.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trên địa bàn xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ, nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về BVMT.</li> <li>- Đạt</li> </ul>



	bảo vệ môi trường		- Đạt	
	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	- 130/130 cơ sở sản xuất nhỏ lẻ ban đầu, ký cam kết bảo vệ môi trường với UBND xã đạt 100% - Đạt	- 130/130 cơ sở sản xuất nhỏ lẻ ban đầu, ký cam kết bảo vệ môi trường với UBND xã đạt 100% - Đạt
	17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥85%	- 1.299/1299 hộ được thu gom rác thải đạt 100% - Đạt	- 1.299/1299 hộ được thu gom rác thải đạt 100% - Đạt
	17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥40%	- Số hộ thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả: 942 hộ/1.299 hộ (đạt 72,5%). - Đạt	- Số hộ thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả: 942 hộ/1.299 hộ (đạt 72,5%). - Đạt
	17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%	- Số hộ phân loại CTR tại nguồn là 969 hộ/1.299 hộ, đạt 74,6%. - Đạt	- Số hộ phân loại CTR tại nguồn là 969 hộ/1.299 hộ, đạt 74,6%. - Đạt
	17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	- Toàn xã có 20 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường. Tại mỗi xứ đồng của từng thôn có đặt các bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật. - Đối với CTR nguy hại phát sinh tại các hộ dân như (pin, nhiệt kế, bóng đèn huỳnh quang thải...), được thu gom vào thùng riêng biệt đặt tại các khu vực công cộng (trạm y tế, trụ sở UBND xã). - Đạt	- Toàn xã có 20 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường. Tại mỗi xứ đồng của từng thôn có đặt các bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật. - Đối với CTR nguy hại phát sinh tại các hộ dân như (pin, nhiệt kế, bóng đèn huỳnh quang thải...), được thu gom vào thùng riêng biệt đặt tại các khu vực công cộng (trạm y tế, trụ sở UBND xã). - Đạt
	17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được	≥80%	- Tỷ lệ khối lượng chất thải trên địa bàn xã Đông Phú được thu gom, xử lý, tái sử dụng	- Tỷ lệ khối lượng chất thải trên địa bàn xã Đông Phú được thu gom, xử lý, tái sử dụng

thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường		dụng là 6614/7678 tấn = 86,14%; - Tỷ lệ hộ gia đình, trang trại trên địa bàn xã Đông Phú áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp là 1.024/1.024 hộ = 100,0%. - Đạt	là 6614/7678 tấn = 86,14%; - Tỷ lệ hộ gia đình, trang trại trên địa bàn xã Đông Phú áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp là 1.024/1.024 hộ = 100,0%. - Đạt
17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥85%	- Trên địa bàn có 02 trang trại đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường - Tổng số cơ sở chăn nuôi: 105 Cơ sở; - Số cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: 105 cơ sở, đạt tỷ lệ 100% - Đạt	- Trên địa bàn có 02 trang trại đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường - Tổng số cơ sở chăn nuôi: 105 Cơ sở; - Số cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: 105 cơ sở, đạt tỷ lệ 100% - Đạt
17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	- UBND xã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nghĩa trang tại Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 16/2/2022; Các nghĩa trang (02/02) trên địa bàn xã đáp ứng các quy định của pháp luật và quy hoạch - Đạt	- UBND xã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nghĩa trang tại Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 16/2/2022; Các nghĩa trang (02/02) trên địa bàn xã đáp ứng các quy định của pháp luật và quy hoạch - Đạt
17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥5%	- Từ năm 2015 đến nay tỷ lệ hỏa táng của xã đạt bình quân hàng năm là 71/232 đạt 30,6%. - Đạt	- Từ năm 2015 đến nay tỷ lệ hỏa táng của xã đạt bình quân hàng năm là 71/232 đạt 30,6%. - Đạt
17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥4m <sup>2</sup> /người	- Tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã Đông Phú là 18.540 m <sup>2</sup> /4.446 người, đạt 4,17 m <sup>2</sup> /người. - Đạt	- Tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã Đông Phú là 18.540 m <sup>2</sup> /4.446 người, đạt 4,17 m <sup>2</sup> /người. - Đạt
17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế,	≥70%	- Tỷ lệ đã được thu gom 1.942kg/2.575kg, đạt 75,4%. - Đạt	- Tỷ lệ đã được thu gom 1.942kg/2.575kg, đạt 75,4%. - Đạt

		xử lý theo quy định			
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 55\%$	- Số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung 1.299/1.299, đạt 100%; - Đạt	- Số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung 1.299/1.299, đạt 100%; - Đạt
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	$\geq 60$ lít	- Lượng nước cấp sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: (396*1000)/(1.299*4,4) đạt 69,3 lít/người/ngày đêm - Đạt	- Lượng nước cấp sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: (396*1000)/(1.299*4,4) đạt 69,3 lít/người/ngày đêm - Đạt
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 30\%$	- Xã Đông Phú được cung cấp nước sạch từ Nhà máy cấp nước sạch tập trung do Công ty CP nước sạch Thanh Hóa chi nhánh Quảng Xương quản lý. - Mức độ hoạt động bền vững của công trình theo biểu đánh giá của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 3639/SNN&PTNT-PTNT ngày 06/9/2022: Đạt 95/100 điểm - Đạt	- Xã Đông Phú được cung cấp nước sạch từ Nhà máy cấp nước sạch tập trung do Công ty CP nước sạch Thanh Hóa chi nhánh Quảng Xương quản lý. - Mức độ hoạt động bền vững của công trình theo biểu đánh giá của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 3639/SNN&PTNT-PTNT ngày 06/9/2022: Đạt 95/100 điểm - Đạt
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	- 45/45 cơ sở tham gia tập huấn kiến thức về ATTP đạt 100%. - Đạt	- 45/45 cơ sở tham gia tập huấn kiến thức về ATTP đạt 100%. - Đạt
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	- Từ năm 2021 đến nay trên địa bàn xã không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào. - Đạt	- Từ năm 2021 đến nay trên địa bàn xã không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào. - Đạt

		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%	- 01/01 cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, đạt 100% - Đạt	- 01/01 cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, đạt 100% - Đạt
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	≥95%	- 1.299/1.299 hộ, đạt 100% - Đạt	- 1.299/1.299 hộ, đạt 100% - Đạt
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	- Trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp CTR sinh hoạt - Đạt	- Trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp CTR sinh hoạt - Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	- Ban CHQS xã và lực lượng dân quân đảm bảo biên chế đầy đủ về số lượng, chất lượng, đảm bảo chính sách và cơ sở vật chất theo quy định: BCHQS đã xây dựng KH trực sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ - Đạt	- Ban CHQS xã và lực lượng dân quân đảm bảo biên chế đầy đủ về số lượng, chất lượng, đảm bảo chính sách và cơ sở vật chất theo quy định: BCHQS đã xây dựng KH trực sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ - Đạt
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn - Số mô hình camera an ninh: 01 Mô hình, đã lắp 21 mắt; - Một số mô hình tiêu biểu: Mô hình Hội Cựu chiến binh xã phối hợp với lực lượng Công an xã xây dựng mô hình 3/1 “Giáo dục, cảm hoá những người lầm lỗi tái hoà nhập cộng đồng”; Mô hình “Công trường tự quản đảm bảo ANTT và ATGT” do Đoàn thanh niên xã phối hợp với Công an xã xây dựng và thành lập. - Đạt	- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn - Số mô hình camera an ninh: 01 Mô hình, đã lắp 21 mắt; - Một số mô hình tiêu biểu: Mô hình Hội Cựu chiến binh xã phối hợp với lực lượng Công an xã xây dựng mô hình 3/1 “Giáo dục, cảm hoá những người lầm lỗi tái hoà nhập cộng đồng”; Mô hình “Công trường tự quản đảm bảo ANTT và ATGT” do Đoàn thanh niên xã phối hợp với Công an xã xây dựng và thành lập. - Đạt

